



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000023	0901010500	Đặng Hoàng Quý	Anh	27/10/2003	NH9A	Nam	01		4,0	HL	
2	000024	0901010312	Bùi Trung	Dũng	19/12/2003	NH9A	Nam	01		6,0	Bùng	
3	000025	0901010127	Cao Lâm	Duy	02/03/2000	NH9A	Nam	01		6,0	Duy	HP (thi nộp)
4	000026	0901010647	Lê Trường	Giang	25/08/2002	NH9A	Nam	01		2,5	Giang	
5	000027	0901010903	Nguyễn Việt	Hoàng	29/10/2003	NH9A	Nam	01		5,5	Hoàng	
6	000028	0901010504	Phạm Lê Huy	Hoàng	18/06/2003	NH9A	Nam	01		3,0	Hoàng	
7	000029	0901010840	Nguyễn Thái	Học	09/01/2003	NH9A	Nam	01			N	ĐK
8	000030	0901010909	Phạm Văn	Nhật	27/03/2003	NH9A	Nam	01		6,0	Nhật	
9	000031	0901010767	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	28/12/2003	NH9A	Nữ	01		4,0	Nhi	
10	000032	0901010640	Nguyễn Như	Quỳnh	20/10/2003	NH9A	Nam	01		4,0	Quỳnh	
11	000033	0901030111	Hoàng Minh	Trí	28/12/2003	NH9A	Nam	01		5,0	Trí	HP (thi nộp)

Tổng số sinh viên dự thi: 11,0...

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày 12 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Mạnh Tuấn

Phạm Khuyết Tuyền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000034	0901030512	Trịnh Tú	Anh	30/10/2003	QM9B	Nữ	02		4,0	Anh	
2	000035	0901030710	Lê Thuỳ	Dương	24/07/2003	QM9B	Nữ	02		4,5	Dương	
3	000036	0901030675	Phạm Thu	Hiền	04/11/2003	QM9B	Nữ	02		4,0	Hiền	
4	000037	0901030759	Nguyễn Thị	Huế	30/09/2003	QM9B	Nữ	02		5,5	Huế	
5	000038	0901030660	Nguyễn Lan	Hương	08/01/2003	QM9B	Nữ	02		6,0	Hương	
6	000039	0901030892	Trần Thị	Hường	10/04/2003	QM9B	Nữ	02		5,0	Hương	
7	000040	0901030072	Nguyễn Tiến	Khôi	16/12/2003	QM9B	Nam	02		7,0	Khôi	
8	000041	0901030651	Nguyễn Hoàng	Lan	23/12/2003	QM9B	Nữ	02		6,5	Lan	
9	000042	0901030511	Đỗ Thị Quỳnh	Loan	14/10/2003	QM9B	Nữ	02		7,0	Loan	
10	000043	0901030734	Nguyễn Thị Hương	Ly	03/11/2003	QM9B	Nữ	02		6,0	Ly	
11	000044	0901030458	Đoàn Thị Xuân	Mai	09/11/2003	QM9B	Nam	02		2,5	Mai	
12	000045	0901030957	Ứng Thị Quỳnh	Nga	28/09/2003	QM9B	Nữ	02		3,5	Nga	
13	000046	0901030296	Vũ Minh	Phúc	23/02/2003	QM9B	Nam	02		6,0	Phúc	
14	000047	0901030433	Lương Thị Diễm	Quỳnh	08/11/2003	QM9B	Nữ	02		6,0	Quỳnh	
15	000048	0901020912	Nguyễn Phương	Thảo	12/01/2003	QM9B	Nữ	02		2,0	Thảo	

Tổng số sinh viên dự thi: 15

Ngày 13. tháng 12. Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:

Đỗ Nam Tuấn

Phạm Khôi Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000066	0901070539	Bùi Thị Phương	Dung	30/06/2003	KL9A	Nữ	06		4,5	Dung	
2	000067	0901070650	Vũ Thị Thu	Hiền	01/12/2003	KL9A	Nữ	06		4,5	Hiền	
3	000068	0901070462	Lê Hoàng	Linh	18/12/2003	KL9A	Nam	06		4,5	Linh	
4	000069	0901070938	Trần Thế	Son	21/01/2003	KL9A	Nam	06		5,0	Son	
5	000070	0901070139	Trần Hoàng	Anh	03/07/2003	QL9A	Nam	06		6,5	Anh	
6	000071	0901010794	Phạm Duy	Bách	09/12/2003	QL9A	Nam	06		6,5	Bách	
7	000072	0901020094	Đỗ Văn	Bình	19/10/2003	QL9A	Nam	06		4,5	Bình	
8	000073	0901040766	Hoàng Minh	Châu	15/12/2003	QL9A	Nữ	06		3,5	Châu	
9	000074	0901070485	Phạm Khánh	Chi	13/10/2003	QL9A	Nữ	06				ĐK
10	000075	0901070240	Nguyễn Vũ	Đức	15/12/2003	QL9A	Nam	06		2,5	Đức	
11	000076	0901080919	Đỗ Thanh Diệu	Hiền	08/12/2003	QL9A	Nữ	06				HP,ĐK
12	000077	0901070609	Trần	Hoàn	09/07/2003	QL9A	Nam	06		5,5	Hoàn	
13	000078	0901070735	Trần Ngọc	Linh	14/07/2003	QL9A	Nữ	06		3,5	Linh	
14	000079	0901070552	Vũ Thùy	Linh	16/09/2003	QL9A	Nữ	06		5,5	Linh	
15	000080	0901080877	Phạm Thị Tổ	Nga	02/10/2003	QL9A	Nữ	06		1,5	Nga	
16	000081	0901020954	Lương Đức	Thao	20/11/2003	QL9A	Nam	06		9,0	Thao	
17	000082	0901070772	Đào Việt	Tuấn	10/05/2003	QL9A	Nam	06		4,5	Tuấn	
18	000083	0901070788	Trương Thị	Uyên	01/05/2003	QL9A	Nữ	06		3,5	Uyên	

Tổng số sinh viên dự thi: 18.....

Ngày 12 tháng 12 Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....

Nguyễn Văn Sơn

Đỗ Mạnh Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000049	0901020572	Phạm Thị Vân	Anh	22/08/2003	KA9A	Nữ	03		6.5	Anh	
2	000050	0901060179	Hà Minh	Chi	24/06/2003	KA9A	Nữ	03		8.0	Chi	
3	000051	0901020441	Lê Thị	Chúc	24/09/2003	KA9A	Nữ	03		5.0	Chúc	
4	000052	0901010481	Trần Trung	Đức	16/01/2003	KA9A	Nam	03		1.0	Đức	
5	000053	0901060520	Bùi Bảo	Hân	12/10/2003	KA9A	Nữ	03		5.5	Hân	
6	000054	0901020020	Nguyễn Huy	Hoàng	01/01/2003	KA9A	Nam	03		6.0	Hoàng	
7	000055	0901060348	Nguyễn Ngọc	Lam	22/09/2003	KA9A	Nữ	03		6.5	Lam	
8	000056	0901020925	Nguyễn Trà	My	12/07/2003	KA9A	Nữ	03		6.0	My	
9	000057	0901060874	Trần Quỳnh	Nga	09/03/2003	KA9A	Nữ	03		5.0	Nga	
10	000058	0901060451	Phạm Thị Út	Nhi	02/08/2003	KA9A	Nữ	03		6.5	Nhi	
11	000059	0901060525	Đỗ Phương	Thảo	13/11/2003	KA9A	Nữ	03		4.0	Thảo	
12	000060	0901060401	Đoàn Thị Thu	Thảo	10/03/2003	KA9A	Nữ	03		4.0	Thảo	
13	000061	0901060575	Phạm Thu	Trang	18/09/2003	KA9A	Nam	03		7.0	Trang	
14	000062	0901060742	Phùng Quang	Trường	02/11/2003	KA9A	Nam	03		4.0	Trường	HP Dấu vết
15	000063	0901020273	Nguyễn Tố	Uyên	24/09/2003	KA9A	Nữ	03		4.0	Uyên	
16	000064	0901060965	Đào Đức	Việt	21/12/2002	KA9A	Nam	03		5.0	Việt	
17	000065	0710120594	Nguyễn Thanh	Tùng	09/02/2001	NH7A	Nam	03		6.5	Tùng	

Tổng số sinh viên dự thi: 17.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày 13... tháng 12... Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Suy
Đỗ Mạnh Tuấn

Phạm Văn Gi
Nguyễn Văn Gi



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000084	0901010076	Lương Hoàng	Anh	26/09/2003	KD9E	Nam	04		7,5	Anh	
2	000085	0901020721	Đặng Thúy	Hà	24/04/2003	KD9E	Nam	04		2,0	Thúy	
3	000086	0901020739	Nguyễn Thị Vân	Hằng	03/01/2003	KD9E	Nữ	04		5,0	Hằng	
4	000087	0901020908	Kim Phương	Hoài	13/10/2003	KD9E	Nữ	04		3,5	Hoài	
5	000088	0901020968	Trần Mạnh	Hùng	13/09/2003	KD9E	Nam	04		3,0	Hùng	
6	000089	0901020487	Phùng	Hung	06/12/2003	KD9E	Nam	04		5,0	Hung	
7	000090	0901020620	Phạm Thị Lan	Hương	02/07/2003	KD9E	Nữ	04				HP
8	000091	0901020106	Trần Hải	Ngọc	10/08/2002	KD9E	Nữ	04		6,5	Ngọc	
9	000092	0901030178	Trần Hồng	Nhung	17/12/2003	KD9E	Nữ	04		3,0	Nhung	
10	000093	0901030568	Hoàng Hải	Ninh	24/09/2003	KD9E	Nam	04		2,5	Ninh	
11	000094	0901020499	Nguyễn Minh	Phương	12/08/2003	KD9E	Nữ	04		3,5	Phương	
12	000095	0901020290	Nguyễn Thị Thúy	Phương	27/12/2003	KD9E	Nữ	04		2,5	Thúy	
13	000096	0901020834	Chu Trần Hương	Quỳnh	18/09/2003	KD9E	Nữ	04		4,5	Quỳnh	
14	000097	0901020528	Trần Đỗ	Trung	04/05/2003	KD9E	Nam	04		2,5	Trung	
15	000098	0901040292	Đinh Văn	Tú	23/03/2003	KD9E	Nam	04		5,0	Tú	

Tổng số sinh viên dự thi: 14

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:

Ngày 13 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Mạnh Tuấn

Nguyễn Văn Sơn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000099	0901080534	Công Phương Uyên	Chi	22/06/2003	TM9A	Nữ	05		5,5	Chi	
2	000100	0901080356	Đỗ Thị	Chinh	08/02/2003	TM9A	Nữ	05		5,5	Chinh	
3	000101	0901080375	Phạm Tiến	Cường	16/03/2003	TM9A	Nam	05		5,5	Quy	
4	000102	0901080176	Nguyễn Huyền	Đức	01/07/2000	TM9A	Nam	05		6,0	Huynh	
5	000103	0901080444	Ngô Thị	Dương	22/09/2003	TM9A	Nữ	05		6,0	Duy	
6	000104	0901080373	Nguyễn Ánh	Dương	19/08/2003	TM9A	Nữ	05		5,5	Ánh	
7	000105	0901080343	Nguyễn Thị Phú	Hoa	13/11/2003	TM9A	Nữ	05		4,5	Hoa	
8	000106	0901080460	Nguyễn Thị Hoàng	Lê	16/09/2003	TM9A	Nữ	05		5,5	Lê	
9	000107	0901080262	Bùi Quang	Linh	21/03/2003	TM9A	Nam	05		7,5	Linh	
10	000108	0901080820	Trần Thu	Nguyệt	18/12/2003	TM9A	Nữ	05		4,5	Nguyệt	
11	000109	0901080848	Vũ Thị Trang	Nhung	12/02/2003	TM9A	Nữ	05		1,0	Nhung	
12	000110	0901080867	Trần Thị Mai	Phương	29/08/2003	TM9A	Nữ	05		3,5	Phương	
13	000111	0901030621	Nguyễn Xuân	Thu	23/03/2003	TM9A	Nữ	05		1,5	Thu	HP 20
14	000112	0901030461	Đặng Thị	Trang	11/06/2003	TM9A	Nữ	05		3,5	Trang	
15	000113	0901080509	Nguyễn Thị Hồng	Trang	13/01/2003	TM9A	Nữ	05		3,5	Trang	
16	000114	0901080431	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/08/2003	TM9A	Nữ	05		2,5	Trang	
17	000115	0901080889	Nguyễn Hải	Yến	15/09/2003	TM9A	Nữ	05		2,5	Yến	

Tổng số sinh viên dự thi: 17

Ngày 13 tháng 12 Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:

(Signature)

(Signature)

Đỗ Mạnh Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000055	0901030702	Tạ Hương	Ly	07/07/2003	QM9A	Nữ	05		5.0	Ly	
2	000056	0901030447	Nguyễn Đức	Mạnh	04/01/2003	QM9A	Nam	05		5.0	Mạnh	
3	000057	0901030054	Đậu Trà	Mi	17/11/2003	QM9A	Nữ	05		4.0	Mi	
4	000058	0901030107	Nguyễn Thị Bích	Nga	14/09/2003	QM9A	Nữ	05		4.5	Nga	
5	000059	0901030538	Bùi Thu	Ngọc	10/09/2003	QM9A	Nữ	05		3.0	Ngọc	
6	000060	0901030888	Nguyễn Sinh	Ngọc	05/11/2003	QM9A	Nam	05		2.0	Ngọc	
7	000061	0901030259	Ngô Thị Hằng	Nhung	02/05/2003	QM9A	Nữ	05		5.5	Nhung	
8	000062	0901030776	Phạm Phú	Quân	23/10/2003	QM9A	Nam	05		4.0	Quân	
9	000063	0901070041	Nguyễn Thị Minh	Tâm	12/11/2003	QM9A	Nữ	05		2.5	Tâm	
10	000064	0901030141	Hà Hoài	Thanh	29/11/2002	QM9A	Nữ	05		5.0	Thanh	
11	000065	0901030719	Đinh Thị Ngọc	Thảo	30/09/2003	QM9A	Nữ	05		2.5	Thảo	
12	000066	0901030901	Nguyễn Duy	Thông	10/02/2000	QM9A	Nam	05		7.5	Thông	
13	000067	0901030180	Nguyễn Thị Hồng	Thu	11/07/2003	QM9A	Nữ	05		6.0	Thu	
14	000068	0901030854	Hoàng Thị	Trà	17/10/2003	QM9A	Nữ	05		2.0	Trà	
15	000069	0901080857	Lương Thị Thu	Trang	17/05/2003	QM9A	Nữ	05		3.5	Trang	
16	000070	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM9A	Nữ	05		2.0	Trúc	HP
17	000071	0901030926	Chu Thành	Vinh	02/10/2002	QM9A	Nam	05		2.0	Vinh	
18	000072	0901030096	Bùi Thị Thảo	Vy	17/06/2003	QM9A	Nữ	05		2.0	Vy	

Tổng số sinh viên dự thi: 18.....

Ngày 13. tháng 12. Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....

Nguyễn Mạnh Hùng

Đặng Hoài Nam



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000179	0901030194	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	12/07/2003	QM9B	Nữ	06		6,5	Anh	
2	000180	0901030917	Phạm Nhật	Anh	08/09/2003	QM9B	Nữ	06		4,5	Anh	
3	000181	0901030589	Bùi Thị Ngọc	Bích	26/09/2003	QM9B	Nữ	06		6,0	Bích	
4	000182	0901030523	Đặng Xuân	Diệu	22/12/2003	QM9B	Nam	06		6,5	Diệu	
5	000183	0901030125	Nguyễn Việt	Đức	09/10/2001	QM9B	Nam	06				HP,ĐK
6	000184	0901030483	Nguyễn Đức	Duy	27/10/2003	QM9B	Nam	06		6,5	Duy	
7	000185	0901030786	Hoàng Trung	Hải	27/06/2003	QM9B	Nam	06		6,0	Hải	
8	000186	0901030768	Nguyễn Đức	Hiệu	24/05/2003	QM9B	Nam	06		6,5	Hiệu	
9	000187	0901030265	Trịnh Xuân	Kỳ	05/11/2002	QM9B	Nam	06		6,0	Kỳ	HP đỡ tập
10	000188	0901030713	Lê Thị	Linh	19/04/2003	QM9B	Nữ	06		6,0	Linh	
11	000189	0901030108	Phan Văn	Mạnh	27/05/2003	QM9B	Nam	06		6,5	Mạnh	
12	000190	0901030677	Nguyễn Thu	Nga	09/06/2003	QM9B	Nữ	06		6,0	Nga	
13	000191	0901030144	Vũ Thị Minh	Nguyệt	19/11/2003	QM9B	Nữ	06		6,0	Nguyệt	
14	000192	0901030214	Nguyễn Thị	Oanh	10/01/2002	QM9B	Nữ	06		5,5	Oanh	
15	000193	0901030387	Nguyễn Văn	Sáng	14/11/2002	QM9B	Nam	06		6,0	Sáng	HP đỡ tập
16	000194	0901030697	Nguyễn Tiến	Thái	01/04/2002	QM9B	Nam	06		6,5	Thái	
17	000195	0901070614	Vương Thị	Thanh	21/12/2003	QM9B	Nữ	06				HP,ĐK
18	000196	0901030350	Tổng Đức	Thành	18/10/2003	QM9B	Nam	06		5,0	Thành	
19	000197	0901030920	Hoàng Thanh	Trà	14/12/2003	QM9B	Nữ	06				HP,ĐK
20	000198	0901030708	Đặng Thị	Trang	02/08/2003	QM9B	Nữ	06		6,0	Trang	
21	000199	0901010796	Đỗ Thị Huyền	Trang	13/10/2003	QM9B	Nữ	06		6,0	Trang	
22	000200	0901030679	Dương Thị	Trang	08/08/2003	QM9B	Nữ	06		5,5	Trang	
23	000201	0901030730	Phan Thị Thu	Trang	14/09/2003	QM9B	Nữ	06				HP

Tổng số sinh viên dự thi: 19.....

Ngày 13 tháng 12 Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Hữu Nam

Đỗ Ngọc Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000159	0901030322	Đào	Phương Anh	17/02/2003	QM9A	Nữ	04		3,5	Anh	
2	000160	0901030245	Hoàng	Phương Anh	19/11/2002	QM9A	Nữ	04		5,5	Anh	
3	000161	0901030048	Lê	Hoàng Anh	15/06/2003	QM9A	Nam	04		7,5	Anh	
4	000162	0901030871	Nguyễn Thị	Lan Anh	09/09/2003	QM9A	Nữ	04		5,5	Anh	
5	000163	0901030282	Nguyễn Thị	Vân Anh	13/10/2003	QM9A	Nữ	04		6,0	Anh	
6	000164	0901030896	Trần	Ngọc Anh	18/11/2003	QM9A	Nữ	04		6,5	Anh	
7	000165	0901030098	Dương	Việt Bách	01/09/2003	QM9A	Nam	04		7,5	Anh	
8	000166	0901030436	Phạm	Minh Châu	28/11/2003	QM9A	Nữ	04		1,0	Châu	
9	000167	0901030470	Nguyễn	Thúy Dung	03/12/2003	QM9A	Nữ	04		6,0	Dung	
10	000168	0901030704	Nguyễn Thị	Dương	01/06/2003	QM9A	Nữ	04		4,0	Dương	
11	000169	0901030475	Nguyễn	Ngọc Duyên	19/11/2003	QM9A	Nữ	04		5,0	Duyên	
12	000170	0901030410	Lê	Mạnh Hào	15/09/2003	QM9A	Nam	04		6,0	Hào	
13	000171	0901030682	Đặng	Văn Hiệp	21/06/2003	QM9A	Nam	04		5,5	Hiệp	
14	000172	0901030683	Đoàn Thị	Kim Huệ	17/05/2003	QM9A	Nữ	04		5,0	Huệ	
15	000173	0901030765	Đinh	Trọng Khang	08/10/2003	QM9A	Nam	04		5,5	Khang	
16	000174	0901030220	Lê	Thúy Kiều	22/05/2003	QM9A	Nữ	04		5,5	Kiều	
17	000175	0901030537	Nguyễn	Hoài Lam	09/06/2003	QM9A	Nam	04		8,5	Lam	
18	000176	0901040602	Trịnh Nguyễn	Thanh Lâm	28/07/2003	QM9A	Nam	04		6,5	Lâm	
19	000177	0901030090	Nguyễn Thị	Diệp Linh	10/05/2002	QM9A	Nữ	04		5,5	Linh	
20	000178	0710310206	Ninh	Hữu Đức	28/02/2001	QT7A	Nam	04				ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 19.....

Ngày 13... tháng 12.. Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....

(Signature)

(Signature)

Đinh Trọng Khang Nguyễn Minh Hào



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000029	0901030595	Trần Cao	Mạnh	14/09/2003	QT9B	Nam	03		5.5	Mạnh	
2	000030	0901030681	Trịnh Kim	Ngân	12/09/2003	QT9B	Nam	03		5.5	Ngân	
3	000031	0901030294	Hà Bích	Ngọc	20/08/2003	QT9B	Nữ	03		5.5	Ngọc	
4	000032	0901030579	Vũ Hoàng	Ngọc	27/12/2003	QT9B	Nữ	03		5.5	Ngọc	
5	000033	0901030916	Nguyễn Thị Phương	Nhung	08/12/2003	QT9B	Nữ	03		4.0	Nhung	
6	000034	0901030722	Trịnh Thị Thu	Phương	10/02/2003	QT9B	Nữ	03		2.5	Phương	
7	000035	0901030205	Đào Hồng	Quân	30/10/2003	QT9B	Nam	03		4.5	Quân	
8	000036	0901030028	Trần Minh	Quân	20/08/2003	QT9B	Nam	03		5.5	Quân	
9	000037	0901030323	Đỗ Đức	Tài	21/04/2003	QT9B	Nam	03		5.5	Tài	
10	000038	0901030961	Đỗ Ngọc	Thạch	22/04/1999	QT9B	Nam	03		4.5	Thạch	
11	000039	0901030385	Nguyễn Đức	Thành	12/01/2003	QT9B	Nam	03		6.5	Thành	
12	000040	0901030212	Trương Việt	Thành	13/09/2002	QT9B	Nam	03		5.0	Thành	
13	000041	0901030275	Bùi Thị Hương	Thơm	10/02/2003	QT9B	Nữ	03		3.0	Thơm	
14	000042	0901030059	Trần Huy	Thuận	27/11/2003	QT9B	Nam	03		5.5	Thuận	
15	000043	0901020159	Dương Thị Thanh	Thủy	17/04/2003	QT9B	Nữ	03				HP,ĐK
16	000044	0901030737	Ngô Phương Kiều	Trang	23/06/2003	QT9B	Nữ	03		6.0	Trang	
17	000045	0901030085	Ngô Thu	Trang	09/12/2003	QT9B	Nữ	03		5.0	Trang	
18	000046	0901030479	Nguyễn Thị Thủy	Trang	22/05/2003	QT9B	Nam	03		5.0	Trang	
19	000047	0901030666	Nguyễn Thu	Trang	26/10/2003	QT9B	Nữ	03		3.0	Trang	
20	000048	0901070754	Phạm Thị Huyền	Trang	15/04/2003	QT9B	Nam	03				ĐK
21	000049	0901030197	Lưu Quang	Trung	14/09/2001	QT9B	Nam	03				HP,ĐK
22	000050	0901030103	Quách Huy	Trường	01/01/2002	QT9B	Nam	03		5.5	Trường	
23	000051	0901010301	Ngô Anh	Tuấn	05/04/2003	QT9B	Nam	03		4.5	Tuấn	
24	000052	0901030102	Trần Quốc	Việt	11/12/2003	QT9B	Nam	03		5.5	Việt	
25	000053	0901030046	Nguyễn Xuân Hải	Vương	22/08/2003	QT9B	Nam	03		3.5	Vương	
26	000054	0901030711	Trịnh Thị Như	Ý	03/08/2003	QT9B	Nam	03		4.5	Ý	

Tổng số sinh viên dự thi: 23....

Ngày 13 tháng 11 Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....

Nguyễn Minh Hưng

Trần Hải Nam



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000131	0901030089	Đặng Thị Quỳnh	Anh	06/10/2003	QT9B	Nữ	02		5.0	Quỳnh	
2	000132	0901010849	Phùng Thị Phương	Anh	03/09/2003	QT9B	Nữ	02		4.0	Phùng	
3	000133	0901030195	Võ Ngọc	Anh	22/10/2003	QT9B	Nữ	02		5.0	Ngọc	
4	000134	0901010115	Đào Chí	Cường	21/05/2003	QT9B	Nam	02		5.5	Đào	
5	000135	0901030088	Đoàn Quang	Đại	07/12/2003	QT9B	Nam	02		6.0	Đoàn	
6	000136	0901030325	Nguyễn Hồng	Diệp	23/11/2003	QT9B	Nữ	02		5.5	Nguyễn	
7	000137	0901030982	Luyện Minh	Đức	23/12/2003	QT9B	Nam	02		4.5	Luyện	
8	000138	0901030270	Đoàn Hữu	Dương	24/04/2003	QT9B	Nam	02		6.0	Đoàn	HP (Đã nộp)
9	000139	0901010354	Nguyễn Thu	Hằng	29/09/2003	QT9B	Nữ	02		6.0	Nguyễn	
10	000140	0901030430	Hoàng Đình	Hào	07/05/2003	QT9B	Nam	02		6.5	Hoàng	
11	000141	0901030417	Nguyễn Thị	Hiền	28/03/2003	QT9B	Nữ	02		5.0	Nguyễn	
12	000142	0901030712	Nguyễn Thúy	Hiền	16/03/2003	QT9B	Nam	02				HP, ĐK
13	000143	0901030132	Nguyễn Thị	Hoa	09/02/2003	QT9B	Nữ	02		4.0	Nguyễn	
14	000144	0901030336	Nguyễn Huy	Hoàng	20/10/2003	QT9B	Nam	02		6.5	Nguyễn	
15	000145	0901030895	Đỗ Thị	Huệ	23/01/2003	QT9B	Nữ	02		4.5	Đỗ	
16	000146	0901030530	Phan Trọng	Hùng	01/03/2003	QT9B	Nam	02		5.0	Phan	
17	000147	0901030586	Nguyễn Duy	Hùng	27/01/2003	QT9B	Nam	02		7.0	Nguyễn	
18	000148	0901030093	Nguyễn Thị	Hường	30/01/2003	QT9B	Nữ	02		5.0	Nguyễn	
19	000149	0901030061	Vũ Quang	Huy	21/12/2003	QT9B	Nam	02		5.5	Vũ	
20	000150	0901030665	Lê Thị	Huyền	10/01/2003	QT9B	Nữ	02		4.5	Lê	
21	000151	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	Nam	02		7.0	Đặng	
22	000152	0901030151	Phạm Hoàng	Lan	19/05/2003	QT9B	Nữ	02		2.5	Phạm	HP (Đã nộp)
23	000153	0901030131	Đỗ Thị	Linh	15/09/2003	QT9B	Nữ	02		4.5	Đỗ	
24	000154	0901030069	Đỗ Thị Khánh	Linh	17/12/2003	QT9B	Nữ	02		4.5	Đỗ	
25	000155	0901030067	Đỗ Thị Thùy	Linh	14/12/2003	QT9B	Nữ	02		5.5	Đỗ	
26	000156	0901030247	Nguyễn Văn	Linh	17/08/2003	QT9B	Nam	02		6.0	Nguyễn	
27	000157	0901030471	Đỗ Thị	Lương	15/11/2003	QT9B	Nữ	02		4.0	Đỗ	
28	000158	0901030369	Đặng Nam	Phương	29/09/2003	QT9B	Nữ	02		5.0	Đặng	

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Ngày 13.. tháng 11.. Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:

Nguyễn Mạnh Hùng

Đặng Văn Nam



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901010358	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	11/12/2003	NH9A	Nữ	01		5,5	Ánh	
2	000002	0901010347	Dương Gia	Bảo	11/11/2003	NH9A	Nam	01		6,0	Bảo	
3	000003	0901010423	Đỗ Linh	Chi	31/10/2003	NH9A	Nữ	01		2,5	Chi	
4	000004	0901010915	Tạ Thị Thùy	Dung	21/12/2003	NH9A	Nữ	01		5,5	Dung	
5	000005	0901010203	Trần Ngọc	Dung	19/08/2003	NH9A	Nữ	01		6,0	Dung	
6	000006	0901010493	Hoàng Thị	Duyên	26/11/2003	NH9A	Nữ	01		5,5	Duyên	
7	000007	0901010390	Nguyễn Minh	Hạnh	04/11/2003	NH9A	Nữ	01				ĐK
8	000008	0901010937	Khuông Minh	Hiền	29/11/2003	NH9A	Nữ	01		5,0	Hiền	
9	000009	0901010351	Ngô Thị Thu	Hiền	30/01/2003	NH9A	Nữ	01		5,0	Hiền	
10	000010	0901010882	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/08/2003	NH9A	Nữ	01		5,0	Hiền	
11	000011	0901020748	Vũ Thị	Hòa	05/04/2003	NH9A	Nữ	01		5,5	Hòa	
12	000012	0901010147	Đoàn Thị	Huyền	18/07/1998	NH9A	Nữ	01		5,0	Huyền	
13	000013	0901010913	Trương Thi	Lệ	06/11/2003	NH9A	Nữ	01				HP, ĐK
14	000014	0901030428	Âu Duy	Minh	18/06/2003	NH9A	Nam	01		5,0	Minh	
15	000015	0901010134	Tổng Đăng	Minh	23/11/2003	NH9A	Nam	01		5,0	Minh	
16	000016	0901010047	Trần Phú	Minh	18/05/2003	NH9A	Nam	01		6,5	Minh	
17	000017	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH9A	Nam	01		3,5	Phúc	
18	000018	0901010227	Nguyễn Hồng	Sơn	01/09/2003	NH9A	Nam	01		2,0	Sơn	
19	000019	0901010398	Vũ Hồng	Sơn	01/07/2003	NH9A	Nam	01		5,0	Sơn	
20	000020	0901070972	Nguyễn Hồng	Thái	06/10/2003	NH9A	Nam	01		5,5	Thái	
21	000021	0901010149	Vũ Duy	Thái	11/08/2003	NH9A	Nam	01		6,0	Thái	
22	000022	0901010264	Hoàng Đức	Thiên	08/01/1998	NH9A	Nam	01		5,5	Thiên	
23	000023	0901010653	Đỗ Thị Hoài	Thương	07/01/2003	NH9A	Nữ	01		6,0	Thương	
24	000024	0901030037	Nguyễn Thanh	Tuyền	12/08/2003	NH9A	Nữ	01		5,5	Tuyền	
25	000025	0901010717	Quảng Văn	Ước	15/10/2003	NH9A	Nam	01		4,5	Ước	
26	000026	0901010818	Lưu Quốc	Việt	03/01/2003	NH9A	Nam	01		2,0	Việt	
27	000027	0901010289	Nguyễn Quang	Vũ	17/05/2003	NH9A	Nam	01				ĐK
28	000028	0901010802	Lý Thị	Xuân	22/02/2003	NH9A	Nữ	01		4,0	Xuân	

Tổng số sinh viên dự thi: 25....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày 18.. tháng 12.. Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Hoài Nam

Đỗ Văn Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000073	0901060872	Nguyễn Công Kỳ	Anh	20/09/2003	KA9A	Nam	07		6,5	Anh	
2	000074	0901020238	Trần Thị	Báu	03/12/2003	KA9A	Nữ	07		8,5	Báu	
3	000075	0901060664	Phạm Thị	Chinh	05/05/2003	KA9A	Nữ	07		5,0	Chinh	
4	000076	0901020060	Nguyễn Huyền	Diệu	23/11/2003	KA9A	Nữ	07		5,0	Diệu	
5	000077	0901060557	Hoàng Hương	Giang	22/03/2003	KA9A	Nữ	07		3,0	Hương	
6	000078	0901060667	Nguyễn Văn	Hung	14/10/2003	KA9A	Nam	07		6,5	Văn	
7	000079	0901060943	Nguyễn Thu	Hương	22/01/2003	KA9A	Nữ	07		3,0	Thu	
8	000080	0901060221	Dương Thị Ngọc	Huyền	31/08/2003	KA9A	Nữ	07		5,5	Ngọc	
9	000081	0901030100	Giang Thị Hồng	Mai	02/06/2003	KA9A	Nữ	07		6,0	Hồng	
10	000082	0901060837	Nguyễn Thị	Mai	23/02/2003	KA9A	Nữ	07		3,5	Thị	
11	000083	0901060601	Phí Việt	Nhật	14/10/2003	KA9A	Nam	07		8,0	Việt	HP
12	000084	0901060723	Nguyễn Trí	Phong	05/12/2003	KA9A	Nam	07		2,5	Trí	
13	000085	0901030063	Bùi Thị	Trang	26/02/2003	KA9A	Nữ	07		6,5	Trang	
14	000086	0901060218	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	26/06/2003	KA9A	Nữ	07		6,0	Quỳnh	
15	000087	0901060550	Ngô Hồng	Triệu	06/06/2003	KA9A	Nam	07		5,0	Hồng	
16	000088	0901030118	Nguyễn Hồng	Yến	21/11/2003	KA9A	Nữ	07		5,0	Hồng	

Tổng số sinh viên dự thi: 16

Ngày 12 tháng 12 Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:

(Signature)
Vũ Văn Bình

(Signature)
Nguyễn Văn G



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000089	0901020202	Đào Ngọc	Anh	09/10/2003	KD9G	Nữ	09		6,0	anh	
2	000090	0901020674	Nguyễn Hà	Anh	27/11/2003	KD9G	Nữ	09		7,0	anh	
3	000091	0901020573	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/02/2003	KD9G	Nữ	09		3,0	anh	
4	000092	0901020636	Phạm Phương	Anh	07/09/2003	KD9G	Nữ	09		6,5	anh	
5	000093	0901020832	Hoàng Đức	Bình	04/06/2003	KD9G	Nam	09		6,0	Đức	
6	000094	0901020687	Nguyễn Phương	Chinh	14/10/2003	KD9G	Nữ	09		5,0	Chinh	
7	000095	0901020393	Vũ Đỗ Hồng	Diệp	29/11/2003	KD9G	Nữ	09		3,0	Diệp	
8	000096	0901020308	Hoàng Bích	Duyên	21/05/2003	KD9G	Nữ	09		6,5	anh	
9	000097	0901020554	Đỗ Thị Thu	Hà	25/06/2003	KD9G	Nữ	09		7,0	Hà	
10	000098	0901020757	Nguyễn Thu	Hằng	09/08/2003	KD9G	Nữ	09		4,5	Hằng	
11	000099	0901020038	Lưu Thị Thu	Hạnh	13/03/2003	KD9G	Nữ	09		5,0	anh	
12	000100	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD9G	Nam	09				HP
13	000101	0901020588	Phạm Thị Thu	Hoài	12/06/2003	KD9G	Nữ	09		3,0	Hoài	
14	000102	0901020300	Giáp Thị Thu	Hương	14/04/2000	KD9G	Nữ	09		6,0	Hương	
15	000103	0901020879	Nguyễn Thu	Hương	27/03/2003	KD9G	Nữ	09		5,0	Hương	
16	000104	0901060692	Đỗ Thị Thu	Huyền	14/10/2003	KD9G	Nam	09		3,0	Huyền	
17	000105	0901010293	Ma Tuấn	Khanh	20/06/2003	KD9G	Nam	09		7,0	Khanh	
18	000106	0901020860	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	25/01/2003	KD9G	Nữ	09		5,0	Lan	
19	000107	0901020831	Phạm Thị	Liên	09/09/2003	KD9G	Nữ	09		3,5	Liên	
20	000108	0901020570	Nguyễn Thị Khánh	Linh	28/08/2003	KD9G	Nữ	09		5,0	anh	

Tổng số sinh viên dự thi: 19

Ngày 13 tháng 12 năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:

Đỗ Mạnh Tuấn

Nguyễn Văn Sơn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000109	0901020087	Đỗ	Phương Anh	02/01/2003	KD9H	Nữ	11		7,5	Phương	
2	000110	0901020167	Nguyễn	Lan Anh	08/11/2003	KD9H	Nữ	11		3,5	Lan	
3	000111	0901040693	Nguyễn Thị	Lan Anh	09/06/2003	KD9H	Nữ	11		4,5	Lan	
4	000112	0901010029	Vũ Thị	Kim Cúc	18/12/2003	KD9H	Nữ	11		5,0	Kim	
5	000113	0901020541	Nguyễn	Ngọc Diễm	24/10/2003	KD9H	Nữ	11		5,0	Diễm	
6	000114	0901020800	Nguyễn Thị	Thu Duyên	24/01/2003	KD9H	Nữ	11		3,5	Duyên	
7	000115	0901020140	Đào Thị	Hương Giang	13/09/2003	KD9H	Nữ	11				HP.ĐK
8	000116	0901020626	Lê Thị	Hà	29/11/2003	KD9H	Nữ	11		5,0	Hà	
9	000117	0901020940	Phạm Minh	Hằng	13/03/2003	KD9H	Nữ	11		5,0	Hằng	
10	000118	0901020342	Phạm Thu	Hằng	03/11/2003	KD9H	Nữ	11		5,0	Hằng	
11	000119	0901020637	Nguyễn Thị	Hồng Hạnh	07/07/2003	KD9H	Nữ	11		6,5	Hạnh	
12	000120	0901020939	Nguyễn Thị	Thảo Hiền	11/10/2003	KD9H	Nữ	11		6,0	Hiền	
13	000121	0901020145	Nguyễn Thị	Minh Hiếu	16/12/2003	KD9H	Nữ	11		4,5	Hiếu	
14	000122	0901020026	Phạm Thị	Mai Hoa	25/09/2003	KD9H	Nữ	11		5,0	Hoa	
15	000123	0901020453	Nguyễn Thị	Thu Hoàn	25/10/2003	KD9H	Nữ	11		5,0	Hoàn	
16	000124	0901020532	Ngô Mai	Hương	10/11/2003	KD9H	Nữ	11		5,5	Hương	
17	000125	0901020542	Lê Thị	Khánh Huyền	22/11/2003	KD9H	Nữ	11		3,0	Huyền	
18	000126	0901020199	Đỗ Xuân	Huỳnh	20/10/2003	KD9H	Nam	11		6,5	Huỳnh	
19	000127	0901020633	Đỗ Lê	Khánh	23/12/2003	KD9H	Nữ	11		5,5	Khánh	
20	000128	0901020891	Nguyễn	Ngọc Lan	20/11/2003	KD9H	Nữ	11		5,0	Lan	
21	000129	0901020258	Chu Thị	Thùy Linh	06/02/2003	KD9H	Nữ	11		2,5	Linh	
22	000130	0901020095	Huỳnh Diệu	Linh	07/11/2003	KD9H	Nữ	11		5,5	Linh	

Tổng số sinh viên dự thi: ...24...

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:

Ngày 13 tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Văn Quý

Đỗ Mạnh Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000202	0901020663	Đỗ Thị Thủy	An	22/05/2003	KD9E	Nữ	08		✓		HP, ĐK
2	000203	0901020733	Nguyễn Thị Kiều	Anh	22/11/2003	KD9E	Nữ	08		3,0	Anh	
3	000204	0901020324	Phạm Ngọc	Anh	18/09/2003	KD9E	Nữ	08		4,5	Anh	
4	000205	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD9E	Nữ	08		4,0	Anh	
5	000206	0901020403	Phạm Thị Ngọc	Ánh	16/08/2003	KD9E	Nữ	08		4,0	Anh	
6	000207	0901020761	Võ Thị Quỳnh	Chi	29/12/2003	KD9E	Nữ	08		6,0	Chi	
7	000208	0901020627	Hoàng Hải	Hà	28/11/2003	KD9E	Nữ	08		6,0	Hà	
8	000209	0901020502	Trần Thị Thu	Hà	17/08/2003	KD9E	Nữ	08		4,5	Hà	
9	000210	0901020503	Đỗ Thị	Hoa	07/03/2003	KD9E	Nữ	08		5,0	Hoa	
10	000211	0901020488	Nguyễn Thanh	Hoài	13/06/2003	KD9E	Nữ	08		3,0	Hoài	
11	000212	0901020241	Trần Thị Việt	Hường	08/10/2003	KD9E	Nữ	08		2,5	Hường	
12	000213	0901020886	Lê Ngọc	Huyền	22/08/2003	KD9E	Nữ	08		3,0	Huyền	
13	000214	0901020821	Nguyễn Thị Mai	Liên	11/10/2003	KD9E	Nữ	08		4,0	Liên	
14	000215	0901020099	Nguyễn Phương	Linh	04/10/2003	KD9E	Nữ	08		2,0	Linh	
15	000216	0901060455	Vũ Thị Kim	Loan	31/03/2003	KD9E	Nữ	08		2,5	Loan	
16	000217	0901020392	Nguyễn Thị	Ly	09/12/2003	KD9E	Nữ	08				HP
17	000218	0901020690	Phạm Thị	Mai	24/05/2003	KD9E	Nữ	08		2,5	Mai	
18	000219	0901020955	Phạm Xuân	Mai	21/08/2003	KD9E	Nữ	08		2,5	Mai	
19	000220	0901030624	Quách Thị	My	06/06/2003	KD9E	Nữ	08		7,0	My	
20	000221	0901020670	Nguyễn Thị Thu	Ngân	29/01/2003	KD9E	Nam	08		4,0	Ngân	
21	000222	0901020853	Lục Ái	Như	10/06/2003	KD9E	Nữ	08		3,0	Như	
22	000223	0901020316	Nguyễn Minh	Quân	23/09/2003	KD9E	Nam	08		5,0	Quân	
23	000224	0901020379	Đào Phương	Thảo	17/11/2003	KD9E	Nữ	08		4,0	Thảo	
24	000225	0901020191	Lê Phương	Thảo	18/05/2003	KD9E	Nữ	08		5,0	Thảo	
25	000226	0901020437	Tô Phương	Thảo	14/04/2003	KD9E	Nữ	08		4,0	Thảo	
26	000227	0901020084	Nguyễn Thị Thanh	Thư	06/02/2003	KD9E	Nữ	08		5,0	Thư	
27	000228	0901030252	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Thư	11/05/2003	KD9E	Nữ	08		5,0	Thư	
28	000229	0901020529	Nguyễn Phương	Thúy	18/03/2003	KD9E	Nữ	08		4,5	Thúy	
29	000230	0901020574	Đào Thu	Trang	13/10/2003	KD9E	Nữ	08		4,5	Trang	
30	000231	0901020746	Lê Thị Huyền	Trang	15/09/2003	KD9E	Nữ	08		7,0	Trang	
31	000232	0901020271	Lê Thủy	Trang	16/05/2003	KD9E	Nữ	08		5,0	Trang	
32	000233	0901020929	Nguyễn Thị	Trang	04/06/2003	KD9E	Nữ	08		3,5	Trang	
33	000234	0901020747	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/03/2003	KD9E	Nữ	08		3,5	Trang	
34	000235	0901020482	Trần Thị Thùy	Trang	28/02/2003	KD9E	Nữ	08		6,0	Trang	

Tổng số sinh viên dự thi: ...32...

Ngày 13 tháng 12 Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:

Nguyễn Văn Tuấn

Đỗ Mạnh Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000236	0901020598	Nguyễn Hải	Ly	25/11/2003	KD9G	Nữ	10		5,5	Ly	
2	000237	0901030057	Lưu Quang	Minh	29/07/2003	KD9G	Nam	10		3,5	Minh	
3	000238	0901020778	Lý Thị	My	22/02/2003	KD9G	Nữ	10		7,0	My	
4	000239	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G	Nữ	10				
5	000240	0901030813	Bùi Thị Tuyết	Nhi	12/01/2003	KD9G	Nữ	10		5,0	Nhi	
6	000241	0901020597	Nguyễn Hải	Phương	11/09/2003	KD9G	Nữ	10		4,5	Phuong	
7	000242	0901020824	Nguyễn Thu	Phương	26/08/2003	KD9G	Nữ	10		5,0	Phuong	
8	000243	0901020869	Dương Tuyết	Quỳnh	24/04/2003	KD9G	Nữ	10		6,0	Quynh	
9	000244	0901020071	Lê Thị Ngọc	Quỳnh	04/10/2003	KD9G	Nữ	10		7,5	Quynh	
10	000245	0901010616	Trần Thị Như	Quỳnh	10/09/2003	KD9G	Nữ	10		6,0	Quynh	
11	000246	0901020421	Đào Mạnh	Son	02/11/2003	KD9G	Nam	10		7,0	Son	
12	000247	0901020649	Lương Thị Phương	Thảo	06/04/2003	KD9G	Nữ	10		5,0	Thao	
13	000248	0901020578	Trần Hương	Thảo	14/01/2003	KD9G	Nữ	10		5,5	Thao	
14	000249	0901020196	Nguyễn Thanh	Toàn	18/10/2003	KD9G	Nam	10		3,5	Toan	
15	000250	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	Nữ	10		5,0	Trang	
16	000251	0901020065	Nguyễn Kiều	Trang	26/01/2003	KD9G	Nữ	10				HP,ĐK
17	000252	0901020330	Trương Hồ Huyền	Trang	22/09/2001	KD9G	Nữ	10		5,0	Trang	
18	000253	0901020963	Đinh Thanh	Tú	29/05/2003	KD9G	Nữ	10		5,0	Tu	
19	000254	0901020051	Nguyễn Văn	Tú	02/12/2003	KD9G	Nam	10		7,5	Tu	
20	000255	0901020617	Lê Phan Phương	Uyên	01/09/2003	KD9G	Nữ	10		5,0	Uyen	
21	000256	0901020749	Trần Thảo	Vân	01/08/2003	KD9G	Nữ	10		7,0	Van	

Tổng số sinh viên dự thi: 21

Ngày 13 tháng 11 Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:

Nguyễn Văn Tuấn

Đỗ Văn Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000257	0901020313	Phạm Hải	Lý	26/02/2002	KD9H	Nữ	12		7,0	ly	
2	000258	0901020078	Nguyễn Nhật	Minh	05/10/2002	KD9H	Nữ	12		1,5	minh	
3	000259	0901020782	Lê Đức	Nam	17/08/2003	KD9H	Nam	12		6,0	le	
4	000260	0901020321	Phạm Thị Kim	Ngân	02/10/2003	KD9H	Nữ	12		2,0	Ngân	
5	000261	0901020472	Hà Kiều	Nhi	05/09/2003	KD9H	Nữ	12		5,0	Nhi	
6	000262	0901030581	Phạm Hồng	Phương	03/12/2003	KD9H	Nam	12		5,5	Phong	
7	000263	0901020171	Vũ Thu	Phương	10/10/2003	KD9H	Nữ	12		2,5	Phong	
8	000264	0901020397	Phạm Thị	Phượng	21/02/2003	KD9H	Nữ	12		4,0	Phong	
9	000265	0901020469	Nguyễn Như	Quỳnh	03/08/2003	KD9H	Nữ	12		5,0	Quỳnh	
10	000266	0901020793	Phan Thị	Thắm	16/07/2003	KD9H	Nữ	12		6,0	Tham	
11	000267	0901010755	Bùi Thị	Thảo	21/01/2003	KD9H	Nữ	12		6,5	Thao	
12	000268	0901020353	Đỗ Thị	Thảo	23/02/2003	KD9H	Nữ	12		4,0	Thao	
13	000269	0901020157	Nguyễn Hoàng	Phương Thảo	22/08/2003	KD9H	Nữ	12		3,5	Phong	
14	000270	0901020565	Vũ Phương	Thảo	24/03/2003	KD9H	Nữ	12		3,5	Thao	
15	000271	0901020320	Phạm Thanh	Thư	09/05/2003	KD9H	Nữ	12				HP,ĐK
16	000272	0901020155	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/01/2003	KD9H	Nữ	12		5,5	Trang	
17	000273	0901020190	Võ Thùy	Trang	29/10/2003	KD9H	Nữ	12		5,0	Trang	
18	000274	0901020773	Trần Anh	Tuấn	08/10/2003	KD9H	Nam	12		5,0	Tuan	
19	000275	0901020234	Nguyễn Thị	Uyên	14/12/2003	KD9H	Nữ	12		3,5	Uyen	
20	000276	0901060463	Phạm Thị	Uyên	04/04/2003	KD9H	Nữ	12		5,0	Uyen	
21	000277	0901030549	Đỗ Thị	Vui	26/02/2003	KD9H	Nữ	12		6,5	Vui	

Tổng số sinh viên dự thi: 22....

Ngày 15 tháng 11 Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....

Nguyễn Văn Sĩ

Đỗ Mạnh Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000278	0901080639	Bùi Lan	Anh	15/07/2003	TM9A	Nữ	13		3,5	Anh	
2	000279	0901080648	Mai Yến	Anh	11/06/2003	TM9A	Nữ	13		6,5	Yến	
3	000280	0901080222	Nguyễn Hoàng	Anh	01/05/2003	TM9A	Nam	13				HP,ĐK
4	000281	0901020812	Nguyễn Thị Tú	Anh	16/09/2003	TM9A	Nữ	13		6,5	Tú	
5	000282	0901080709	Phạm Thị Vân	Anh	25/05/2003	TM9A	Nữ	13		4,5	Vân	
6	000283	0901080876	Phùng Nguyễn Tú	Anh	27/09/2003	TM9A	Nữ	13		6,0	Tú	
7	000284	0901080517	Đào Thu	Hào	10/06/2003	TM9A	Nữ	13		4,5	Thu	
8	000285	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM9A	Nam	13		3,5	Đức	
9	000286	0901080962	Phạm Thị Khánh	Ly	31/01/2003	TM9A	Nữ	13				HP,ĐK
10	000287	0901070873	Nguyễn Trà	My	13/09/2003	TM9A	Nữ	13		3,5	Trà	HP,ĐK
11	000288	0901080439	Vũ Trà	My	21/01/2003	TM9A	Nữ	13		6,5	Trà	
12	000289	0901080283	Nguyễn Thanh	Nam	10/04/2003	TM9A	Nam	13		7,0	Thanh	
13	000290	0901080175	Đào Nguyễn Hồng	Quân	04/12/2003	TM9A	Nam	13		6,5	Hồng	
14	000291	0901080555	Đặng Phương	Thảo	25/01/2003	TM9A	Nữ	13		6,5	Phương	
15	000292	0901080970	Nguyễn Mạnh	Thiện	27/06/1993	TM9A	Nam	13		6,5	Mạnh	
16	000293	0901080442	Vũ Thị	Trà	14/12/2003	TM9A	Nữ	13		6,5	Trà	
17	000294	0901080450	Đỗ Thị Huyền	Trang	29/05/2003	TM9A	Nữ	13		5,0	Huyền	
18	000295	0901080604	Đới Thị	Vân	07/02/2003	TM9A	Nữ	13		4,0	Vân	
19	000296	0901080632	Phan Hà	Vy	23/09/2003	TM9A	Nữ	13		4,0	Hà	
20	000297	0901080582	Nguyễn Hồng	Yến	08/10/2003	TM9A	Nữ	13		5,0	Hồng	

Tổng số sinh viên dự thi: 20

Ngày 12 tháng 12 năm 2022

Tổng số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản: 20

Đỗ Mạnh Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000022	0901020276	Đỗ Quỳnh	Anh	24/06/2003	KD9B	Nữ	10		5,0	Anh	
2	000023	0901020456	Đỗ Thị Phương	Anh	21/07/2003	KD9B	Nữ	10		4,5	Anh	
3	000024	0901020566	Đỗ Thị Vân	Anh	24/12/2003	KD9B	Nữ	10		6,0	Anh	
4	000025	0901020001	Hoàng Thị Lan	Anh	27/04/2003	KD9B	Nữ	10		6,5	Anh	
5	000026	0901020587	Lê Hải	Anh	06/06/2003	KD9B	Nữ	10		4,5	Anh	
6	000027	0901020644	Nguyễn Phương	Anh	01/12/2003	KD9B	Nữ	10		3,5	Anh	HP không
7	000028	0901080967	Phan Phương	Anh	19/11/2003	KD9B	Nữ	10		4,0	Anh	
8	000029	0901020610	Trương Thị Vân	Anh	11/04/2003	KD9B	Nữ	10		5,0	Anh	
9	000030	0901030206	Vũ Minh	Anh	06/11/2003	KD9B	Nữ	10		6,0	Anh	
10	000031	0901020124	Nguyễn Quỳnh	Chi	10/01/2003	KD9B	Nữ	10				ĐK
11	000032	0901020468	Ngô Đình	Dương	14/05/2003	KD9B	Nam	10		8,0	Dương	
12	000033	0901020672	Phạm Thị	Giang	25/08/2003	KD9B	Nữ	10		5,0	Giang	
13	000034	0901020391	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/10/2003	KD9B	Nữ	10		5,0	Hà	
14	000035	0901020569	Lưu Thanh	Hằng	22/08/2003	KD9B	Nữ	10		4,0	Hằng	
15	000036	0901020563	Vũ Thị Bích	Hào	01/01/2003	KD9B	Nữ	10		6,5	Hào	
16	000037	0901020564	Vũ Thị Minh	Hiền	01/01/2003	KD9B	Nữ	10		5,5	Hiền	
17	000038	0901020510	Nguyễn Quỳnh	Hoa	16/12/2003	KD9B	Nữ	10		7,0	Hoa	
18	000039	0901020501	Nguyễn Thu	Huệ	08/11/2003	KD9B	Nữ	10		4,5	Huệ	
19	000040	0901020053	Vũ Thị	Huyền	28/01/1998	KD9B	Nữ	10		5,0	Huyền	
20	000041	0901020011	Phạm Thị Phương	Lan	25/09/2003	KD9B	Nữ	10		4,0	Lan	
21	000042	0901030814	Nguyễn Thu	Thảo	11/02/2003	KD9B	Nữ	10		5,0	Thảo	

Tổng số sinh viên dự thi: 20

Ngày 12 tháng 12 năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:

Vũ Hằng Bình

Phạm Khắc Tùng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000118	0901020050	Lê Phương	Linh	27/12/2003	KD9B	Nữ	11		6,0	2 linh	
2	000119	0901020858	Cù Thị Phương	Ly	11/06/2003	KD9B	Nữ	11		6,0	Ly	
3	000120	0901020741	Nguyễn Thị	Mai	12/07/2003	KD9B	Nữ	11		6,0	Mai	
4	000121	0901020024	Vũ Nhật	Minh	13/07/2003	KD9B	Nam	11		3,0	Minh	
5	000122	0901020215	Đỗ Trà	My	01/06/2003	KD9B	Nữ	11		7,0	My	
6	000123	0901020608	Vũ Thị Kim	Ngân	08/05/2003	KD9B	Nữ	11		7,0	Ngân	
7	000124	0901020317	Lê Thị	Ngọc	28/08/2003	KD9B	Nữ	11		5,0	Ngọc	
8	000125	0901010236	Đinh Thị Thùy	Nhung	22/01/2003	KD9B	Nữ	11		7,0	Nhung	
9	000126	0901020352	Đỗ Thị Lan	Phuong	20/12/2003	KD9B	Nữ	11		6,0	Phuong	
10	000127	0901020798	Nguyễn Quang	Quý	26/01/2003	KD9B	Nam	11		7,0	Quý	
11	000128	0901020019	Nguyễn Văn	Thành	20/08/2002	KD9B	Nam	11		5,0	Thành	
12	000129	0901020688	Đỗ Phương	Thảo	08/10/2003	KD9B	Nữ	11		4,5	Thảo	
13	000130	0901020052	Phạm Lê Thanh	Thảo	21/08/2003	KD9B	Nữ	11		6,0	Thảo	
14	000131	0901010804	Ngô Thị	Thùy	25/02/2003	KD9B	Nữ	11		7,0	Thùy	
15	000132	0901020606	Lưu Thị Kiều	Trang	21/11/2003	KD9B	Nữ	11		8,0	Trang	
16	000133	0901020250	Nguyễn Thị Huyền	Trang	21/08/2003	KD9B	Nữ	11		6,0	Trang	
17	000134	0901020480	Thạch Thị Kiều	Trang	18/09/2003	KD9B	Nữ	11		4,0	Trang	
18	000135	0901020769	Trần Thị Lan	Trinh	04/08/2003	KD9B	Nữ	11		7,0	Trinh	
19	000136	0901020607	Đỗ Thị Ánh	Tuyết	21/12/2002	KD9B	Nữ	11		9,0	Tuyết	
20	000137	0901020081	Ngô Thị	Vân	20/10/2003	KD9B	Nữ	11		3,0	Vân	
21	000138	0901030040	Phạm Hải	Yến	06/05/2003	KD9B	Nữ	11		6,0	Yến	

Tổng số sinh viên dự thi: ... 21 ...

Ngày 12 tháng 12 Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:

Phạm Khắc Tùng

Vũ Đình Anh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000043	0901020625	Hà Kim	Ngân	08/04/2003	KD9C	Nữ	13		3,0	Ngân	
2	000044	0901030105	Bùi Minh	Nghĩa	23/12/2003	KD9C	Nam	13		7,0	Nghĩa	
3	000045	0901020201	Nguyễn Hồng	Ngọc	02/02/2003	KD9C	Nữ	13		1,0	Ngọc	
4	000046	0901020319	Phạm Hồng	Nhung	09/01/2003	KD9C	Nữ	13		1,0	Nhung	
5	000047	0901020655	Hà Thu	Phương	17/12/2003	KD9C	Nữ	13		3,0	Phương	
6	000048	0901020576	Nguyễn Thị Minh	Phương	12/05/2003	KD9C	Nữ	13		5,0	Phương	
7	000049	0901020696	Vũ Mai	Phương	14/06/2003	KD9C	Nam	13				HP,ĐK
8	000050	0901020758	Nguyễn Thị	Quý	28/07/2003	KD9C	Nữ	13		3,5	Quý	
9	000051	0901020298	Nguyễn Bùi Trúc	Quỳnh	03/12/2003	KD9C	Nữ	13		4,5	Quỳnh	
10	000052	0901020476	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	26/10/2003	KD9C	Nữ	13		6,5	Tâm	
11	000053	0901020187	Phạm Phương	Thảo	26/12/2003	KD9C	Nữ	13		6,5	Thảo	
12	000054	0901020779	Lê Thị Huyền	Trang	21/03/2003	KD9C	Nữ	13		6,0	Trang	
13	000055	0901020311	Lê Thị Quỳnh	Trang	05/06/2003	KD9C	Nữ	13		1,0	Trang	HP
14	000056	0901020559	Trần Quỳnh	Trang	23/01/2003	KD9C	Nữ	13		7,5	Trang	
15	000057	0901020086	Trần Thị Huyền	Trang	17/11/2003	KD9C	Nữ	13		5,5	Trang	
16	000058	0901020381	Lê Thanh	Trúc	17/06/2003	KD9C	Nữ	13		3,5	Trúc	
17	000059	0901020168	Trần Khánh	Vân	02/12/2003	KD9C	Nữ	13		5,5	Vân	
18	000060	0901020847	Nguyễn Thị	Xuyến	06/08/2003	KD9C	Nữ	13		5,0	Xuyến	
19	000061	0901030044	Phạm Thị	Yến	04/11/2003	KD9C	Nữ	13		4,0	Yến	

Tổng số sinh viên dự thi: 18

Ngày 12 tháng 12 Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....

Vũ Đăng Bình *Phạm Khánh Tú*



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000206	0901020531	Lê Ngọc	Anh	30/09/2003	KD9C	Nữ	12		7,5	Anh	
2	000207	0901020229	Nguyễn Phương	Anh	02/09/2003	KD9C	Nữ	12		5,0	Anh	
3	000208	0901020231	Nguyễn Phương	Anh	29/12/2003	KD9C	Nữ	12		8,5	Anh	
4	000209	0901020429	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/03/2003	KD9C	Nữ	12		5,5	Anh	
5	000210	0901020855	Nguyễn Thị Vân	Anh	28/11/2003	KD9C	Nữ	12		7,0	Anh	
6	000211	0901020251	Chu Thị Ngọc	Ánh	23/08/2003	KD9C	Nữ	12		6,0	Anh	
7	000212	0901020839	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	27/10/2003	KD9C	Nữ	12		1,0	Chi	
8	000213	0901020193	Nguyễn Minh	Đức	09/02/2003	KD9C	Nam	12		4,5,0	Đức (5.0)	
9	000214	0901020548	Nguyễn Tiến	Dũng	01/10/2003	KD9C	Nam	12		9,0	Dũng	
10	000215	0901020623	Nguyễn Thùy	Dương	01/04/2003	KD9C	Nữ	12		1,0	Dương	
11	000216	0901020045	Nguyễn Thị Hà	Giang	10/03/2003	KD9C	Nữ	12		7,0	Giang	
12	000217	0901020116	Nguyễn Thu	Hà	24/05/2003	KD9C	Nữ	12		6,0	Hà	
13	000218	0901020374	Nguyễn Minh	Hằng	04/11/2003	KD9C	Nữ	12				HP,ĐK
14	000219	0901020035	Vũ Thúy	Hiên	23/10/2003	KD9C	Nữ	12		4,0	Hiên	
15	000220	0901020738	Tạ Thị	Hoa	04/06/2003	KD9C	Nữ	12		2,0	Hoa	
16	000221	0901020638	Khuất Duy	Hung	13/12/2003	KD9C	Nam	12		6,0	Hung	
17	000222	0901020357	Phan Thị Quỳnh	Hương	21/11/2003	KD9C	Nữ	12		5,0	Hương	
18	000223	0901020172	Vũ Thanh	Hương	09/07/1997	KD9C	Nữ	12				HP,ĐK
19	000224	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	Nam	12		6,0	Huy	HP (Đã nộp)
20	000225	0901020811	Nguyễn Thị	Lành	20/02/2003	KD9C	Nữ	12		5,5	Lành	
21	000226	0901010097	Ngô Diệu	Linh	06/12/2003	KD9C	Nữ	12		5,5	Linh	
22	000227	0901020726	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/03/2003	KD9C	Nữ	12		7,0	Linh	
23	000228	0901020516	Phạm Thị Hiền	Lương	25/08/2003	KD9C	Nữ	12		7,0	Lương	
24	000229	0901020368	Nguyễn Thị Hồng	Mai	11/08/2003	KD9C	Nữ	12		6,0	Mai	
25	000230	0901020448	Nguyễn Thị	Mùi	28/12/2003	KD9C	Nữ	12		4,5	Mùi	

Tổng số sinh viên dự thi: ...23.

Ngày 12 tháng 12 Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:

Phạm Khánh Túy

Vũ Đình Bình



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000139	0901020359	Lỗ Thị Mai	Anh	02/11/2003	KD9D	Nữ	14		6,0	Anh.	
2	000140	0901020906	Nguyễn Thị Lan	Anh	14/07/2003	KD9D	Nữ	14		6,0	Anh.	
3	000141	0901020942	Nguyễn Thị Quế	Anh	11/12/2003	KD9D	Nữ	14		7,0	Anh	
4	000142	0901020720	Nguyễn Thị Trâm	Anh	17/12/2003	KD9D	Nữ	14		4,5	Anh	
5	000143	0901070716	Nguyễn Vũ Hà	Anh	23/10/2003	KD9D	Nữ	14		4,0	Anh	
6	000144	0901020027	Phạm Hà Lan	Anh	25/12/2003	KD9D	Nữ	14		2,0	Anh	
7	000145	0901020263	Phạm Lan	Anh	01/11/2003	KD9D	Nữ	14		3,0	Anh	
8	000146	0901020449	Đỗ Thị	Ánh	11/02/2003	KD9D	Nữ	14		7,0	Anh	
9	000147	0901020657	Phạm Linh	Chi	27/12/2003	KD9D	Nữ	14		2,0	Chi	
10	000148	0901020593	Nguyễn Thành	Công	24/09/2003	KD9D	Nam	14		5,0	Công	
11	000149	0901020016	Phạm Thành	Đạt	01/08/2003	KD9D	Nam	14		6,0	Đạt	
12	000150	0901020143	Nguyễn Quang	Duy	20/04/2003	KD9D	Nam	14		6,0	Duy	
13	000151	0901020643	Chu Thị Thu	Hà	21/03/2003	KD9D	Nữ	14		4,0	Hà	HP
14	000152	0901020689	Nguyễn Thu	Hà	26/06/2003	KD9D	Nữ	14		4,0	Hà	
15	000153	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	Nữ	14		6,0	Hà	
16	000154	0901030207	Ngô Minh	Hiền	30/05/2003	KD9D	Nam	14				HP,ĐK
17	000155	0901010427	Ngô Minh	Hiếu	20/10/2003	KD9D	Nam	14				ĐK
18	000156	0901020959	Vũ Thị Thanh	Hoa	25/01/2003	KD9D	Nữ	14		3,5	Hoa	
19	000157	0901020630	Vũ Thị	Hòa	01/12/2002	KD9D	Nữ	14		3,0	Hòa	
20	000158	0901020344	Nguyễn Quang	Hưng	28/09/2003	KD9D	Nam	14				HP,ĐK
21	000159	0901020628	Hoàng Thu	Hường	27/09/2003	KD9D	Nữ	14		5,5	Hường	
22	000160	0901020815	Dương Minh	Huyền	01/06/2003	KD9D	Nữ	14		4,0	Huyền	

Tổng số sinh viên dự thi:.....19..

Ngày 12. tháng 12 Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....

Phạm Khánh Tuy

Vũ Đình An



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000231	0901020619	Trần Tú	Loan	28/11/2003	KD9D	Nữ	15		5,5	Loan	
2	000232	0901020162	Lê Thị Khánh	Ly	03/08/2003	KD9D	Nữ	15		6,0	Ly	
3	000233	0901020668	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	22/10/2003	KD9D	Nữ	15		3,5	Mai	
4	000234	0901020384	Dương Thị Yến	My	28/01/2003	KD9D	Nữ	15		9,5	My	
5	000235	0901020694	Hoàng Khánh	Ngân	15/07/2003	KD9D	Nữ	15		6,0	Ngân	
6	000236	0901020184	Phạm Thị Bích	Ngọc	14/08/2003	KD9D	Nữ	15		6,0	Ngọc	
7	000237	0901020440	Lê Thị Ngọc	Như	14/07/2003	KD9D	Nữ	15		6,0	Như	
8	000238	0901040934	Lê Thị Kiều	Oanh	10/07/2003	KD9D	Nữ	15		3,5	Oanh	
9	000239	0901020514	Nguyễn Thị Thu	Phương	02/02/2003	KD9D	Nữ	15		5,0	Phương	
10	000240	0901020182	Cao Thúy	Quỳnh	21/10/2002	KD9D	Nữ	15		5,0	Quỳnh	
11	000241	0901030031	Nguyễn Như	Quỳnh	17/10/2003	KD9D	Nữ	15		5,0	Quỳnh	
12	000242	0901020580	Hà Thị Phương	Thảo	04/10/2002	KD9D	Nữ	15		4,0	Thảo	
13	000243	0901020454	Nguyễn Thanh	Thảo	28/09/2003	KD9D	Nữ	15		7,0	Thảo	
14	000244	0901020519	Phạm Thanh	Thảo	09/08/2003	KD9D	Nữ	15		6,0	Thảo	
15	000245	0901070083	Phạm Thị Thanh	Thảo	23/08/2003	KD9D	Nữ	15		5,0	Thảo	
16	000246	0901010676	Nguyễn Thị Hà	Thu	28/10/2003	KD9D	Nữ	15		2,0	Thu	
17	000247	0901020808	Đường Thị Minh	Thư	06/09/2003	KD9D	Nữ	15		6,0	Thư	
18	000248	0901020422	Bùi Thị	Thương	11/12/2003	KD9D	Nữ	15		7,0	Thương	
19	000249	0901020521	Lê Thị Thuỳ	Trang	15/02/2003	KD9D	Nữ	15		6,0	Trang	
20	000250	0901020378	Trần Thị Thùy	Trang	08/05/2003	KD9D	Nữ	15		4,0	Trang	
21	000251	0901020729	Lương Đức	Trung	07/11/2003	KD9D	Nam	15		5,0	Trung	
22	000252	0901020966	Phan Thị Tâm	Tuệ	21/03/2003	KD9D	Nữ	15		3,0	Tuệ	
23	000253	0901030079	Trần Thị	Vân	01/03/2002	KD9D	Nữ	15		5,0	Vân	

Tổng số sinh viên dự thi: 23...

Ngày 12 tháng 12 năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:

Phạm Khánh Tùng

Vũ Thị Bình



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000062	0901060388	Nguyễn Minh	Anh	30/06/2003	KD9K	Nam	16		8,0	Anh	
2	000063	0901020426	Quản Thị Vân	Anh	26/11/2003	KD9K	Nữ	16		3,0	Anh	
3	000064	0901020801	Phạm Thị	Châm	11/03/2003	KD9K	Nữ	16		5,0	Châm	
4	000065	0901060257	Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	22/03/2003	KD9K	Nữ	16		5,0	chinh	
5	000066	0901020333	Hà Thúy	Diệp	06/05/2003	KD9K	Nữ	16		6,5	Diệp	
6	000067	0901020445	Lê Thùy	Dung	13/04/2003	KD9K	Nữ	16		4,5	Dung	
7	000068	0901010994	Đỗ Hữu	Dũng	15/07/2001	KD9K	Nam	16	-			HP,ĐK
8	000069	0901020774	Hoàng Thị Thủy	Dương	09/10/2003	KD9K	Nữ	16		5,0	Dương	
9	000070	0901020551	Hoàng Hương	Giang	21/09/2003	KD9K	Nữ	16		6,0	Hương	
10	000071	0901020346	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/12/2003	KD9K	Nữ	16		5,0	Giang	
11	000072	0901020845	Nguyễn Thu	Giang	25/02/2003	KD9K	Nữ	16		3,5	Giang	
12	000073	0901060005	Nguyễn Hữu	Hào	26/11/2003	KD9K	Nam	16		4,5	Hào	
13	000074	0901020642	Đinh Thị	Hậu	04/10/2003	KD9K	Nữ	16		6,0	Hậu	
14	000075	0901020232	Trịnh Minh	Hiếu	15/12/2003	KD9K	Nam	16		6,0	Hiếu	
15	000076	0901020110	Nguyễn Huy	Hoàng	29/10/2003	KD9K	Nam	16		6,0	Huy	
16	000077	0901020513	Nguyễn Thanh	Hương	21/08/2003	KD9K	Nữ	16		5,0	Hương	
17	000078	0901020751	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/02/2003	KD9K	Nữ	16		4,0	Huyền	
18	000079	0901020407	Lê Kim	Khánh	04/10/2003	KD9K	Nữ	16		4,5	Khánh	
19	000080	0901020242	Bùi Thị	Linh	01/12/2003	KD9K	Nữ	16		4,5	Linh	
20	000081	0901020260	Đỗ Thùy	Linh	27/07/2003	KD9K	Nữ	16		3,5	Linh	

Tổng số sinh viên dự thi: 19...

Ngày 12. tháng 12. Năm 22

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....

Đỗ Mạnh Tuấn

Phạm Khánh Ti



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000161	0901020863	Đỗ Thùy	Linh	08/04/2002	KD9K	Nữ	17		5,0	Linh	
2	000162	0901020613	Nguyễn Thanh	Loan	31/12/2003	KD9K	Nữ	17		4,0	Loan	
3	000163	0901020980	Hoàng Văn	Minh	04/09/2002	KD9K	Nam	17		6,0	Minh	
4	000164	0901020622	Nguyễn Thị Phương	Minh	04/11/2003	KD9K	Nữ	17		7,0	Minh	
5	000165	0901020277	Bùi Thị	Nga	09/09/2002	KD9K	Nữ	17		3,5	Nga	
6	000166	0901020615	Vương Hồng Thủy	Ngân	12/04/2003	KD9K	Nữ	17		5,0	Ngân	
7	000167	0901010210	Lê Nguyễn Phương	Nhi	17/12/2003	KD9K	Nữ	17		5,5	Nhi	
8	000168	0901020109	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19/07/2003	KD9K	Nữ	17		5,5	Nhung	
9	000169	0901020438	Lê Tấn	Phát	01/01/2003	KD9K	Nam	17		5,0	Phát	
10	000170	0901020791	Nguyễn Phương	Quỳnh	29/07/2003	KD9K	Nữ	17		5,0	Quỳnh	
11	000171	0901020066	Đặng Hồng	Thắm	04/03/2003	KD9K	Nữ	17		5,5	Thắm	
12	000172	0901020505	Nguyễn Phương	Thảo	18/04/2003	KD9K	Nữ	17		5,5	Thảo	
13	000173	0901020126	Trần Thị Minh	Thư	05/01/2003	KD9K	Nữ	17		3,5	Thư	
14	000174	0901020921	Cáp Thị Thanh	Tiếp	12/02/2003	KD9K	Nữ	17		5,0	Tiếp	
15	000175	0901030851	Bùi Thị	Trang	13/12/2002	KD9K	Nữ	17				Vắng
16	000176	0901020382	Đỗ Thu	Trang	04/03/2003	KD9K	Nữ	17		4,0	Trang	
17	000177	0901020714	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/05/2003	KD9K	Nữ	17		5,0	Trang	
18	000178	0901010042	Vũ Huyền	Trang	14/12/2003	KD9K	Nữ	17		8,0	Trang	
19	000179	0901020112	Lê Việt	Trình	28/08/2001	KD9K	Nữ	17		4,5	Trình	
20	000180	0901020898	Nguyễn Vũ Thanh	Tùng	30/12/2003	KD9K	Nam	17		3,5	Tùng	
21	000181	0901020680	Trần Duy	Tùng	12/07/2003	KD9K	Nam	17		4,0	Tùng	
22	000182	0901020496	Nguyễn Thị	Xuân	23/04/2003	KD9K	Nữ	17		2,0	Xuân	

Tổng số sinh viên dự thi: 24....

Ngày 12. tháng 12. Năm 22

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....

Sưu
Đỗ Mạnh Tuấn

Phạm Khánh Tuy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000254	0901020297	Hà Phương	Anh	21/02/2003	KD9M	Nữ	18		3,0	Anh	
2	000255	0901020288	Nguyễn Ngọc	Anh	09/06/2003	KD9M	Nữ	18		5,0	Anh	
3	000256	0901020844	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	06/10/2003	KD9M	Nữ	18		6,0	Anh	
4	000257	0901020049	Trần Mỹ	Anh	27/04/2003	KD9M	Nữ	18				ĐK
5	000258	0901020474	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	07/07/2003	KD9M	Nữ	18		9,0	Anh	
6	000259	0901020177	Hoàng Linh	Chi	28/04/2003	KD9M	Nữ	18				ĐK
7	000260	0901030326	Phạm Thị	Doanh	07/07/2003	KD9M	Nữ	18		1,5	Doanh	
8	000261	0901020075	Lê Thị Thùy	Dương	18/06/2003	KD9M	Nữ	18		6,0	Dương	
9	000262	0901020310	Chu Thị	Hải	15/11/2003	KD9M	Nữ	18		7,0	Hải	
10	000263	0901020543	Đào Thu	Hiền	27/01/2003	KD9M	Nữ	18		8,0	Hiền	
11	000264	0901020930	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18/12/2003	KD9M	Nữ	18		6,0	Hiền	
12	000265	0901010685	Bùi Tuyết	Hoa	31/07/2003	KD9M	Nữ	18		5,0	Hoa	
13	000266	0901020890	Lê Thị Hồng	Hoa	24/05/2003	KD9M	Nữ	18		4,0	Hoa	
14	000267	0901020443	Trần Thanh	Hoàng	21/02/2003	KD9M	Nam	18				ĐK
15	000268	0901020304	Nguyễn Thị Thu	Hồng	06/06/2003	KD9M	Nữ	18		5,0	Hồng	
16	000269	0901020484	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	06/09/2003	KD9M	Nữ	18		7,0	Hương	
17	000270	0901020654	Nguyễn Thu	Huyền	06/02/2003	KD9M	Nữ	18		5,0	Huyền	
18	000271	0901020272	Trần Hoàng	Khánh	03/10/2003	KD9M	Nam	18		7,0	Khánh	
19	000272	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	Nữ	18		5,0	Linh	
20	000273	0901020861	Nguyễn Thị	Linh	04/07/2003	KD9M	Nữ	18		4,0	Linh	
21	000274	0901020306	Nguyễn Thiện	Lộc	19/04/2003	KD9M	Nam	18		6,0	Lộc	
22	000275	0901030080	Đoàn Thị Ngọc	Mai	15/12/2003	KD9M	Nữ	18		7,0	Mai	

Tổng số sinh viên dự thi: ... 19 ...

Ngày 12 tháng 12 Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:

Phạm Khánh Tùng

Vũ Đăng Anh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000082	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	Nam	19		3,0	Minh	
2	000083	0901020658	Nguyễn Trọng	Minh	12/07/2003	KD9M	Nam	19		5,0	Minh	
3	000084	0901020842	Ngô Thị Phương	Nga	31/03/2003	KD9M	Nữ	19		6,0	Nga	
4	000085	0901020114	Trần Thị Kim	Nghĩa	11/04/2003	KD9M	Nữ	19		6,0	Nghĩa	
5	000086	0901020671	Chu Thị Hồng	Nhung	07/12/2003	KD9M	Nữ	19		5,0	Nhung	
6	000087	0901060567	Lê Hồng	Phong	13/07/2003	KD9M	Nam	19		5,0	Phong	
7	000088	0901020790	Vũ Mai	Phương	24/06/2003	KD9M	Nữ	19		3,0	Phuong	
8	000089	0901020467	Hoàng Thị Tâm	Thanh	20/12/2003	KD9M	Nữ	19		4,0	Thanh	
9	000090	0901020828	Đoàn Hương	Thảo	01/06/2003	KD9M	Nữ	19		2,0	Thảo	
10	000091	0901010859	Nguyễn Thị	Thảo	23/05/2003	KD9M	Nữ	19		2,0	Thảo	
11	000092	0901020827	Nguyễn Thị	Thảo	27/10/2003	KD9M	Nữ	19		8,0	Ng. Thảo	
12	000093	0901020136	Ngô Xuân	Thức	07/03/2003	KD9M	Nam	19		6,0	Thức	
13	000094	0901020893	Đoàn Lành	Thúy	26/08/2003	KD9M	Nữ	19		8,5	Thúy	
14	000095	0901020486	Bùi Thị Ngọc	Trâm	24/12/2003	KD9M	Nữ	19		6,5	Trâm	
15	000096	0901030684	Đỗ Thu	Trang	25/03/2003	KD9M	Nữ	19		5,0	Trang	
16	000097	0901020329	Nguyễn Thùy	Trang	28/05/2003	KD9M	Nữ	19		5,0	Trang	
17	000098	0901020303	Phan Thị Huyền	Trang	04/10/2003	KD9M	Nữ	19		1,0	Trang	
18	000099	0901020383	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	12/02/2003	KD9M	Nữ	19		3,0	Tú	
19	000100	0901020743	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	03/03/2003	KD9M	Nữ	19		6,0	Tuyết	
20	000101	0901020268	Đặng Thanh	Vân	16/12/2003	KD9M	Nữ	19		5,0	Vân	
21	000102	0901020996	Dương Anh	Vũ	18/06/2003	KD9M	Nam	19		6,5	Vũ	
22	000103	0901020318	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	19/09/2003	KD9M	Nữ	19		5,0	Xuân	

Tổng số sinh viên dự thi: 22...

Ngày 12. tháng 12. Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....

Phạm Khánh Tùng

Vũ Đình Bình



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000302	0710120594	Nguyễn Thanh	Tùng	09/02/2001	NH7A	Nam	22		7,0	Tùng	
2	000303	0901080856	Nguyễn Thị Thu	Hà	18/12/2003	TM9A	Nữ	22		4,5	Hà	
3	000304	0901080612	Dương Thị Thúy	Hiền	28/10/2003	TM9A	Nữ	22		5,0	Hiền	
4	000305	0901080948	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	22/07/2003	TM9A	Nữ	22		7,0	Hoa	
5	000306	0901080956	Vũ Thị	Hoa	12/04/2002	TM9A	Nữ	22		5,0	Hoa	
6	000307	0901080953	Trần Thị Bích	Huyền	13/12/2002	TM9A	Nữ	22		5,0	Huyền	
7	000308	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	Nữ	22		5,0	Ngọc	
8	000309	0901080969	Phạm Thanh	Nhàn	01/01/2003	TM9A	Nữ	22		6,5	Nhàn	
9	000310	0901080091	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/02/2003	TM9A	Nữ	22		7,0	Nhung	
10	000311	0901080841	Tòng Văn	Quốc	14/08/2003	TM9A	Nam	22		6,5	Quốc	
11	000312	0901080810	Nguyễn Phương	Thảo	30/06/2003	TM9A	Nữ	22		5,5	Thảo	
12	000313	0901080216	Lê Quang	Trường	25/08/2003	TM9A	Nam	22		7,0	Trường	
13	000314	0901080010	Lê Thị	Tuyền	18/08/2003	TM9A	Nữ	22		1,5	Tuyền	

Tổng số sinh viên dự thi: ...13...

Ngày 12 tháng 12 Năm 2022

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:

Vũ Đăng Bình

Đỗ Mạnh Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000183	0901020936	Phạm Lê	Nhật An	30/10/2003	KD9N	Nữ	20		6,0	Đ	HP, ĐK
2	000184	0901020166	Hoàng Minh	Tuấn Anh	06/04/2003	KD9N	Nam	20		5,0	Anh	
3	000185	0901030135	Lã Hải	Anh	24/09/2003	KD9N	Nữ	20				HP, ĐK
4	000186	0901020034	Nguyễn Thị	Phương Anh	07/07/2003	KD9N	Nữ	20			Văn	
5	000187	0901020792	Trương Tuấn	Anh	11/05/2003	KD9N	Nam	20				HP, ĐK
6	000188	0901020927	Nguyễn Ngọc	Ánh	17/04/2003	KD9N	Nữ	20		6,0	Ánh	
7	000189	0901020785	Nguyễn Linh	Chi	26/08/2003	KD9N	Nữ	20		6,5	Chi	
8	000190	0901020585	Nguyễn Thanh	Chúc	17/04/2003	KD9N	Nữ	20		6,5	Chúc	HP, ĐK
9	000191	0901030244	Nguyễn Thị	Diễm	27/12/2003	KD9N	Nữ	20		6,5	Diễm	
10	000192	0901020152	Nguyễn Ngọc	Dung	03/12/2003	KD9N	Nữ	20		5,0	Dung	
11	000193	0901020360	Mai Tùng	Dương	30/10/2003	KD9N	Nam	20		6,5	Dương	
12	000194	0901020446	Nguyễn Thị	Hương Giang	07/11/2003	KD9N	Nữ	20		6,5	Đ	
13	000195	0901020335	Nguyễn Thị	Ngọc Hà	04/11/2003	KD9N	Nữ	20		5,5	Hà	
14	000196	0901030331	Vũ Thị Mỹ	Hào	26/09/2003	KD9N	Nữ	20		7,0	Thảo	
15	000197	0901020142	Lê Thị Thúy	Hiền	13/02/2003	KD9N	Nữ	20		6,5	Hiền	
16	000198	0901020852	Vũ Mạnh	Hiếu	24/08/2003	KD9N	Nam	20			Hào	ĐK
17	000199	0901020411	Hoàng Thị	Huệ	05/04/2003	KD9N	Nữ	20		4,0	Huệ	
18	000200	0901020691	Phan Thùy	Hương	27/04/2003	KD9N	Nữ	20		6,5	Hương	
19	000201	0901020213	Phạm Thị	Huyền	19/01/2003	KD9N	Nữ	20		5,5	Huyền	
20	000202	0901020750	Lê Thị Hương	Lan	21/04/2003	KD9N	Nữ	20		4,0	Lan	HP, ĐK
21	000203	0901010327	Nguyễn Thị	Liên	06/11/2003	KD9N	Nữ	20				HP, ĐK
22	000204	0901020918	Bùi Thị Phương	Linh	19/11/2003	KD9N	Nữ	20		4,5	Linh	
23	000205	0901020880	Nguyễn Thị	Luyến	02/01/2003	KD9N	Nữ	20		4,0	Luyến	

Tổng số sinh viên dự thi: 28...

Ngày 1.2 tháng 1.2 Năm 2.2

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản: 0...

Sinh viên
Đoàn Mạnh Tuấn

Nguyễn Văn Bình
Nguyễn Văn Bình



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000276	0901020192	Đỗ Ngọc	Mai	21/10/2003	KD9N	Nữ	21		6,0	Mai	
2	000277	0901020701	Trịnh Thị Ngọc	Minh	19/11/2003	KD9N	Nữ	21		6,5	Minh	
3	000278	0901030225	Đinh Thị	Mỹ	01/07/2003	KD9N	Nữ	21		5,5	Mỹ	
4	000279	0901030226	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	01/04/2003	KD9N	Nữ	21		5,0	Nga	
5	000280	0901020256	Bùi Trọng Bảo	Ngọc	26/10/2003	KD9N	Nam	21		6,5	Ngọc	
6	000281	0901020170	Đào Hồng	Nhung	12/01/2003	KD9N	Nữ	21		6,5	Nhung	
7	000282	0901020432	Nguyễn Lâm	Oanh	28/08/2003	KD9N	Nữ	21		4,0	Oanh	
8	000283	0901030033	Nguyễn Hồng	Phúc	16/09/2003	KD9N	Nam	21		7,0	Phúc	
9	000284	0901020209	Vương Thị	Phương	18/10/2003	KD9N	Nữ	21		6,0	Phương	
10	000285	0901020830	Nguyễn Thị Khánh	Quỳnh	02/09/2003	KD9N	Nữ	21		6,5	Quỳnh	
11	000286	0901020641	Đặng Thị	Thanh	16/02/2003	KD9N	Nữ	21		4,5	Thanh	
12	000287	0901020979	Chu Phương	Thảo	20/06/2003	KD9N	Nữ	21		6,5	Thảo	
13	000288	0901030074	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/10/2003	KD9N	Nữ	21		6,5	Thảo	
14	000289	0901020017	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19/07/2003	KD9N	Nữ	21		7,5	Thảo	
15	000290	0901020367	Nguyễn Thị	Thơ	30/09/2003	KD9N	Nữ	21		5,0	Thơ	
16	000291	0901020819	Phan Thị	Thơ	08/06/2003	KD9N	Nữ	21		5,0	Thơ	
17	000292	0901020645	Nguyễn Thị Hoài	Thương	17/05/2003	KD9N	Nữ	21		6,0	Thương	
18	000293	0901020315	Hoàng Thị Thủy	Tiên	27/10/2002	KD9N	Nữ	21		6,5	Tiên	
19	000294	0901020494	Hoàng Thanh	Trà	02/07/2003	KD9N	Nữ	21		6,5	Trà	
20	000295	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	Nữ	21		4,5	Trang	
21	000296	0901010899	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/11/2003	KD9N	Nam	21				HP,ĐK
22	000297	0901020030	Nguyễn Thùy	Trang	17/12/2003	KD9N	Nữ	21		7,0	Trang	
23	000298	0901020933	Bành Thanh	Tú	18/02/2003	KD9N	Nữ	21		6,5	Tú	
24	000299	0901020591	Hoàng Hải	Vân	04/09/2003	KD9N	Nữ	21		6,5	Vân	
25	000300	0901030243	Lê Hồng	Vân	13/09/2003	KD9N	Nữ	21		7,0	Vân	
26	000301	0901020705	Nguyễn Hải	Yến	08/12/2003	KD9N	Nữ	21		7,5	Yến	

Tổng số sinh viên dự thi: 25

Ngày 12.. tháng 12.. Năm 22

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:

Đỗ Mạnh Tuấn

Nguyễn Đình



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000138	0901010425	Phạm Nguyễn Mai	Anh	03/10/2003	TC9B	Nữ		1,0	Anh	
2	000139	0901010302	Vũ Ngọc	Anh	04/01/2003	TC9B	Nam		3,5	Anh	
3	000140	0901010584	Nguyễn Thị Linh	Bình	26/10/2003	TC9B	Nữ		3,0	Bình	
4	000141	0901020744	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	02/03/2003	TC9B	Nữ		9,0	Diễm	
5	000142	0901010875	Đàm Phương	Dung	14/08/2003	TC9B	Nữ		3,0	Dung	
6	000143	0901010413	Nguyễn Thùy	Dung	15/12/2003	TC9B	Nữ		6,0	Dung	
7	000144	0901010158	Nguyễn Hùng	Dũng	09/11/2003	TC9B	Nam		5,0	Dũng	HP
8	000145	0901010678	Trần Quý	Dương	05/09/2003	TC9B	Nam		7,0	Dương	
9	000146	0901010868	Đàm Hương	Giang	29/03/2003	TC9B	Nữ		5,0	giang	
10	000147	0901010246	Hoàng Thái	Hà	27/10/2003	TC9B	Nam		42,0	Hà	Sưu
11	000148	0901010686	Đào Thị Thanh	Hiền	07/10/2003	TC9B	Nữ		5,0	Hiền	
12	000149	0901010237	Nguyễn Huy	Hiệu	15/09/2003	TC9B	Nam	—	—		ĐK
13	000150	0901010673	Đỗ Thị Thu	Hòa	24/05/2003	TC9B	Nữ		1,0	Hòa	
14	000151	0901010284	Dương Thu	Hương	12/08/2003	TC9B	Nữ		2,0	Hương	
15	000152	0901010698	Nguyễn Thu	Hương	28/08/2003	TC9B	Nữ		5,0	Hương	
16	000153	0901010950	Lê Thuý	Hường	11/08/2003	TC9B	Nữ		6,0	Hường	
17	000154	0901010770	Nguyễn Thị Thu	Huyền	28/09/2003	TC9B	Nữ		8,0	Huyền	
18	000155	0901040571	Vũ Mai	Lan	03/11/2003	TC9B	Nữ		7,0	Lan	
19	000156	0901010465	Quách Gia	Lân	23/11/2003	TC9B	Nam		5,0	Lân	

Tổng số sinh viên dự thi: 18....

Ngày 7... tháng 4... Năm 2023

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản: 0....

Nguyễn Mạnh Hùng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000285	0901010406	Đào Minh	Anh	24/07/2003	TC9A	Nữ		6,0	<i>Đào</i>	
2	000286	0901010533	Nguyễn Lan	Anh	01/06/2003	TC9A	Nữ		4,0	<i>Anh</i>	
3	000287	0901010883	Phạm Thị Kim	Anh	06/01/2003	TC9A	Nữ		3,5	<i>Kim</i>	
4	000288	0901010490	Trần Thị Mai	Anh	06/06/2003	TC9A	Nữ		5,0	<i>Anh</i>	
5	000289	0901010409	Nguyễn Minh	Ánh	09/07/2003	TC9A	Nữ		6,0	<i>Ánh</i>	
6	000290	0901010495	Vũ Việt	Bình	10/03/2003	TC9A	Nam		5,0	<i>Bình</i>	
7	000291	0901010130	Nguyễn Quỳnh	Chi	28/08/2003	TC9A	Nữ		4,5	<i>Chi</i>	
8	000292	0901010669	Đỗ Thị Thùy	Dung	26/08/2003	TC9A	Nữ		4,0	<i>Dung</i>	
9	000293	0901030405	Đào Lâm	Dũng	15/02/2003	TC9A	Nam		7,0	<i>Dũng</i>	
10	000294	0901010365	Đỗ Văn	Duy	11/05/2003	TC9A	Nam		6,5	<i>Duy</i>	
11	000295	0901020399	Đàm Thu	Hà	16/09/2003	TC9A	Nữ		3,0	<i>Hà</i>	
12	000296	0901010219	Vương Thị	Hằng	28/01/2003	TC9A	Nữ		6,0	<i>Hằng</i>	
13	000297	0901010211	Bùi Ngọc	Hiếu	17/10/2003	TC9A	Nam		4,0	<i>Hiếu</i>	
14	000298	0901010988	Nguyễn Đức	Hiếu	28/05/2002	TC9A	Nam				HP,ĐK
15	000299	0901010544	Đặng Quỳnh	Hoa	08/10/2003	TC9A	Nữ				ĐK
16	000300	0901070404	Thân Mạnh	Hùng	17/06/2003	TC9A	Nam		5,5	<i>Hùng</i>	
17	000301	0901010777	Hà Vũ	Hưng	13/01/2003	TC9A	Nam		4,0	<i>Hưng</i>	
18	000302	0901010434	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	08/02/2003	TC9A	Nữ		2,5	<i>Hương</i>	
19	000303	0901010062	Nguyễn Trần Trung	Kiên	25/03/2003	TC9A	Nam		6,0	<i>Kiên</i>	
20	000304	0901010420	Lê Tùng	Lâm	14/10/2003	TC9A	Nam		6,0	<i>Lâm</i>	
21	000305	0901060039	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2003	TC9A	Nữ		3,0	<i>Linh</i>	
22	000306	0901010008	Lâm Bích	Ngọc	30/04/2003	TC9A	Nữ		5,0	<i>Ngọc</i>	

Tổng số sinh viên dự thi: 20....

Ngày 1 tháng 11 năm 2023

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....0...

Nguyễn Mạnh Hùng

Đặng Hoàng Nam



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000457	0901010036	Phùng Phương	Mai	28/06/2003	TC9A	Nữ		6,0	Phùng Mai	
2	000458	0901010056	Nguyễn Quang	Minh	16/01/2003	TC9A	Nam		7,0	Minh	
3	000459	0901010506	Nguyễn Trà	My	25/12/2003	TC9A	Nữ		6,0	My	
4	000460	0901010183	Nguyễn Thị Phương	Nga	30/10/2003	TC9A	Nữ		7,0	Nga	
5	000461	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	Nữ		8,0	Ngọc	
6	000462	0901010507	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	04/09/2003	TC9A	Nữ		6,0	Nguyệt	
7	000463	0901010789	Nguyễn Thị	Phượng	17/02/2003	TC9A	Nữ		5,0	Phượng	
8	000464	0901010402	Phạm Hồng	Phượng	13/06/2003	TC9A	Nữ		4,5	Phu	
9	000465	0901030133	Vũ Ngọc Phi	Sơn	19/08/2003	TC9A	Nam		5,5	Sơn	
10	000466	0901010803	Phạm Thanh	Tâm	15/07/2003	TC9A	Nữ		6,0	Tâm	
11	000467	0901010055	Lê Hoàng	Thái	25/07/2003	TC9A	Nam		6,0	Thái	
12	000468	0901010153	Đỗ Phương	Thảo	08/04/2003	TC9A	Nữ		6,0	Thảo	
13	000469	0901010278	Trần Phương	Thảo	24/09/2003	TC9A	Nữ		5,0		
14	000470	0901010745	Tông Văn	Thuận	15/08/2003	TC9A	Nam		5,5	Thuận	
15	000471	0901010129	Ma Trịnh Hương	Trà	26/10/2003	TC9A	Nữ		6,0	Trà	
16	000472	0901010546	Bùi Thị Huyền	Trang	21/05/2003	TC9A	Nữ		6,0	Trang	Sưu
17	000473	0901010592	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	08/02/2003	TC9A	Nữ		4,0	Trúc	
18	000474	0901010121	Đinh Ngọc	Tùng	25/04/2003	TC9A	Nam		5,0	Tùng	
19	000475	0901010328	Ngô Sinh	Vượng	28/08/2003	TC9A	Nam		4,0	Vượng	
20	000476	0901010128	Vũ Mai	Vy	05/11/2003	TC9A	Nữ		6,0	Vy	
21	000477	0901010498	Trần Thị Hải	Yên	09/10/2003	TC9A	Nam		4,0	Yên	

Tổng số sinh viên dự thi: ...24...

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:4.....

Ngày ...7... tháng ...1... Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Hải Nam

Nguyễn Mạnh Hùng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000176	0901020947	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	07/02/2003	QT9C	Nữ		3,0	Anh	
2	000177	0901030416	Nguyễn Nguyệt	Ánh	03/08/2000	QT9C	Nữ		4,5	Ánh	
3	000178	0901030590	Nguyễn Bá	Đạt	09/07/2003	QT9C	Nam		3,0	Đạt	
4	000179	0901030881	Nguyễn Bình	Định	17/10/2003	QT9C	Nữ		4,0	Định	
5	000180	0901030013	Lê Ánh	Dương	04/06/2003	QT9C	Nữ		3,5	Dương	
6	000181	0901030200	Mai Thu	Giang	24/12/2003	QT9C	Nữ		6,0	Giang	
7	000182	0901030823	Bùi Thị	Hào	15/08/2003	QT9C	Nữ		5,5	Hào	
8	000183	0901030635	Nguyễn Thu	Hiền	22/03/2003	QT9C	Nữ		6,0	Hiền	
9	000184	0901030253	Phạm Khánh	Hòa	02/09/2003	QT9C	Nam		7,0	Hòa	
10	000185	0901030866	Bùi Minh	Hoàng	26/11/2003	QT9C	Nam		5,5	Hoàng	
11	000186	0901030843	Đỗ Quốc	Hội	18/04/2003	QT9C	Nam		4,0	Hội	
12	000187	0901030944	Nhữ Mạnh	Hùng	01/08/2003	QT9C	Nam		7,0	Hùng	
13	000188	0901030522	Trần Minh	Hùng	26/11/2003	QT9C	Nam		6,5	Hùng	
14	000189	0901030181	Lê Tuấn	Hung	17/05/2003	QT9C	Nam		5,0	Hung	
15	000190	0901030280	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/05/2003	QT9C	Nữ		5,5	Hương	
16	000191	0901030082	Nguyễn Văn	Khải	20/10/2003	QT9C	Nam		5,0	Khải	
17	000192	0901030018	Phạm Duy	Kiên	06/02/2003	QT9C	Nam		6,0	Kiên	
18	000193	0901030545	Lê Quang	Lâm	18/08/2003	QT9C	Nam		6,0	Lâm	
19	000194	0901030138	Đỗ Thị Hải	Linh	21/02/1998	QT9C	Nữ		4,5	Linh	
20	000195	0901070809	Lê Thành	Long	04/08/2003	QT9C	Nam		4,0	Long	
21	000196	0901010032	Nguyễn Hiền	Lương	13/01/2003	QT9C	Nữ		6,0	Lương	

Tổng số sinh viên dự thi: 24....

Ngày/... tháng/... Năm 2023

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....

(Signature)
Đặng Hòa Nam

(Signature)
Nguyễn M. Hùng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000342	0901030797	Vũ Bình	Minh	19/11/2003	QT9C	Nam		2,0	Minh	
2	000343	0901030464	Hoàng Hồng	Ngọc	07/08/2003	QT9C	Nữ		5,0	Ngọc	
3	000344	0901030629	Trần Thị Minh	Ngọc	10/08/2003	QT9C	Nữ		2,0	Ngọc	
4	000345	0901030400	Vũ Văn	Ngọc	03/11/2003	QT9C	Nam				ĐK
5	000346	0901030377	Đỗ Thị	Nhân	08/12/2003	QT9C	Nữ		3,5	Nhân	
6	000347	0901030973	Chu Diệu	Như	11/09/2003	QT9C	Nữ		1,5	Như	
7	000348	0901030887	Ngô Thị Kim	Nhung	01/09/2003	QT9C	Nữ		6,0	Nhung	
8	000349	0901030600	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/06/2003	QT9C	Nữ		7,0	Phương	
9	000350	0901030217	Nguyễn Quế	Sinh	20/12/2003	QT9C	Nam		5,0	Sinh	
10	000351	0901030092	Đào Văn	Tâm	21/06/2002	QT9C	Nam		6,0	Tâm	
11	000352	0901030286	Nguyễn Huy	Thành	04/12/2003	QT9C	Nam		6,0	Thành	
12	000353	0901030795	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2003	QT9C	Nữ		7,0	Thảo	
13	000354	0901030002	Trần Nguyễn Phương	Thảo	15/08/2003	QT9C	Nữ		3,0	Thảo	
14	000355	0901030295	Phạm Bùi Minh	Thuận	25/02/2003	QT9C	Nam		7,0	Thuận	
15	000356	0901030547	Đinh Thu	Trà	17/12/2003	QT9C	Nữ		3,0	Trà	
16	000357	0901030208	Nguyễn Văn	Trang	24/04/2003	QT9C	Nam		7,0	Trang	
17	000358	0901030508	Trần Thanh Thanh	Trúc	22/12/2003	QT9C	Nữ		7,0	Trúc	
18	000359	0901030781	Mai	Tùng	29/08/2003	QT9C	Nam		6,0	Tùng	
19	000360	0901030009	Lại Đăng	Uyển	09/10/2003	QT9C	Nam		3,0	Uyển	

Tổng số sinh viên dự thi: 18...

Ngày 7 tháng 4 Năm 2023

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:

Nguyễn Mạnh Hùng
Đặng Hữu Nam



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000157	0901020025	Bùi Minh	Anh	27/04/2003	QT9A	Nữ		2,0	Anh	
2	000158	0901030941	Nguyễn Ngọc	Anh	24/09/2003	QT9A	Nữ		5,5	Anh	
3	000159	0901030491	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	03/07/2003	QT9A	Nữ		7,0	Anh	
4	000160	0901030064	Nguyễn Thanh	Bình	10/04/2003	QT9A	Nữ		4,0	Bình	
5	000161	0901030224	Nguyễn Thành	Đạt	26/03/2003	QT9A	Nam				Lý Phức
6	000162	0901020923	Đỗ Thị Thùy	Dương	31/10/2003	QT9A	Nữ				HP,DK
7	000163	0901030185	Nguyễn Thị Thùy	Dương	12/08/2003	QT9A	Nữ		5,0	Dương	
8	000164	0901030254	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	27/11/2002	QT9A	Nữ		3,5	Duyên	
9	000165	0901030058	Phạm Thị Hồng	Hạnh	02/07/2003	QT9A	Nữ		2,5	Hạnh	
10	000166	0901030362	Nguyễn Thị	Hiền	26/06/2003	QT9A	Nữ		3,5	Hiền	
11	000167	0901030894	Vũ Đức	Hiếu	14/01/2003	QT9A	Nam		3,5	Hiếu	HP
12	000168	0901030715	Đào Quốc	Hiệu	01/10/2003	QT9A	Nam		6,0	Hiệu	
13	000169	0901030756	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QT9A	Nam				HP,DK
14	000170	0901030477	Nguyễn Duy	Hưng	24/12/2003	QT9A	Nam		4,5	Hưng	
15	000171	0901030631	Huỳnh Khắc Anh	Khiêm	27/04/2003	QT9A	Nam		5,5	Khiêm	
16	000172	0901030695	Phạm Trung	Kiên	08/08/2003	QT9A	Nam		5,0	Kiên	
17	000173	0901030154	Phạm Quốc	Lập	15/01/2003	QT9A	Nam		5,5	Lập	
18	000174	0901030435	Đỗ Thị Khánh	Linh	15/11/2003	QT9A	Nữ		2,5	Linh	
19	000175	0901030753	Nguyễn Mai Thùy	Linh	17/11/2003	QT9A	Nữ		5,0	Thùy	

Tổng số sinh viên dự thi: 16...

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:

Ngày/.. tháng/.. Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Hoài Nam

Nguyễn Thị Linh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000324	0901030022	Phạm Thị Khánh	Ly	21/01/2003	QT9A	Nữ		5,0	Ly	
2	000325	0901010113	Lưu Bá	Nghĩa	29/10/2003	QT9A	Nam		4,0	Nghĩa	
3	000326	0901030524	Lê Thị Hồng	Ngọc	02/10/2003	QT9A	Nữ		2,5	Ngọc	
4	000327	0901030752	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	22/01/2003	QT9A	Nữ		4,0	Nguyệt	
5	000328	0901030656	Bùi Thị Hồng	Nhung	24/08/2003	QT9A	Nam		5,0	Nhung	
6	000329	0901030924	Dương Thị	Nhung	03/04/2003	QT9A	Nữ		1,0	Nhung	
7	000330	0901020418	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/08/2003	QT9A	Nữ		5,0	Nhung	
8	000331	0901030235	Chu Thị Châm	Oanh	26/10/2003	QT9A	Nữ		5,0	Oanh	
9	000332	0901020652	Phạm Thị	Phương	05/07/2003	QT9A	Nữ		4,0	Phương	
10	000333	0901030662	Đặng Anh	Quân	01/10/2003	QT9A	Nam		2,5	Quân	
11	000334	0901030266	Vũ Tuyết	Quỳnh	07/01/2003	QT9A	Nữ		2,5	Quỳnh	
12	000335	0901030466	Trần Ngọc	Thắng	02/10/2003	QT9A	Nam		8,0	Thắng	
13	000336	0901030518	Đỗ Văn	Thanh	29/03/2003	QT9A	Nữ		6,0	Thanh	
14	000337	0901030285	Trương Tuấn	Thành	18/12/2003	QT9A	Nam	—	—	—	ĐK
15	000338	0901030829	Dương Minh	Tiến	02/01/2003	QT9A	Nam		1,5	Tiến	
16	000339	0901030535	Hoàng Hương	Trang	10/11/2003	QT9A	Nữ		5,0	Trang	
17	000340	0901030376	Phạm Thị Đoan	Trang	30/07/2003	QT9A	Nữ		2,0	Trang	
18	000341	0901030279	Nguyễn Hà	Vy	07/12/2003	QT9A	Nữ		1,5	Vy	

Tổng số sinh viên dự thi: 18...

Ngày 17 tháng 11 Năm 2023

Tổng số tờ giấy thi: 18...

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản: 18...

(Chữ ký)
Nguyễn Mạnh Hùng
Đặng Hoàng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000118	0901010897	Ngô Thị Lan	Anh	27/12/2003	NH9A	Nữ		3,0	Anh	
2	000119	0901070787	Đỗ Ngọc	Ánh	07/04/2003	NH9A	Nữ		4,5	Ánh	
3	000120	0901010846	Dương Tuấn	Đạt	08/08/2003	NH9A	Nam				HP,DK
4	000121	0901010123	Ngô Thành	Đạt	18/11/2003	NH9A	Nam		6,0	Đạt	
5	000122	0901010372	Ma Văn	Đức	24/07/2003	NH9A	Nam		8,0	Đức	
6	000123	0901020104	Nông Thái	Dương	11/11/2003	NH9A	Nam		6,0	Dương	
7	000124	0901010169	Nguyễn Đức	Hiếu	09/07/2003	NH9A	Nữ		5,0	Hiếu	
8	000125	0901010725	Phạm Thị Thu	Huế	05/01/2003	NH9A	Nữ		6,5	Huế	
9	000126	0901010611	Bùi Quốc	Huy	19/11/2003	NH9A	Nam		3,0	Huy	
10	000127	0901010261	Nguyễn Năng	Khoa	16/03/2003	NH9A	Nam		10	Khoa	HP (Đã nộp)
11	000128	0901010314	Nguyễn Khánh	Linh	06/12/2003	NH9A	Nữ		4,0	Linh	
12	000129	0901010878	Đinh Hoàng	Long	09/10/2003	NH9A	Nam		3,0	Long	Suy
13	000130	0901010833	Đỗ Thị	Ngọc	09/09/2003	NH9A	Nữ		6,0	Ngọc	
14	000131	0901010583	Nguyễn Thế	Phú	04/08/2003	NH9A	Nam		6,0	Phú	
15	000132	0901010515	Lê Minh	Quân	19/12/2003	NH9A	Nam		5,0	Quân	
16	000133	0901010165	Ngô Phương	Thảo	30/12/2003	NH9A	Nữ		6,0	Thảo	
17	000134	0901010188	Ngô Thùy	Trang	26/12/2003	NH9A	Nữ		4,0	Trang	
18	000135	0901010981	Mai Thùy	Vân	30/04/2003	NH9A	Nữ		1,0	Vân	
19	000136	0901010536	Bàn Thị	Vũng	17/10/2003	NH9A	Nam		5,0	Vũng	
20	000137	0810331082	Đỗ Văn	Phú	21/09/2002	QM8A	Nam				HP,DK

Tổng số sinh viên dự thi: ...48....

Ngày ...7... tháng ...1... Năm 2023

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:0.....

Nguyễn Mạnh Hùng

Đinh Hoàng Nam



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Giáo dục thể chất 4 - Cầu lông

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000307	0810330375	Vũ Thị Thanh	Tâm	21/10/2001	QM8A	Nam		3,0	Tâm	
2	000308	0901011000	Nguyễn Thùy	Linh	30/03/2003	TC9B	Nữ		2,5	Linh	
3	000309	0901020148	Nguyễn Đức	Lương	04/08/2003	TC9B	Nam		6,0	Lương	
4	000310	0901010603	Đỗ Thị Phương	Nga	11/11/2003	TC9B	Nữ		5,0	Nga	
5	000311	0901010267	Trần Bích	Ngọc	06/09/2003	TC9B	Nữ		5,0	Ngọc	
6	000312	0901010784	Tạ Thị Yến	Nhi	04/12/2003	TC9B	Nữ		5,0	Nhi	
7	000313	0901010914	Nguyễn Hồng	Nhung	17/04/2003	TC9B	Nữ		1,5	Nhung	
8	000314	0901010452	Vũ Thị Diễm	Quỳnh	25/10/2003	TC9B	Nữ				HP,ĐK
9	000315	0901010700	Lương Thị Thanh	Tâm	08/08/2003	TC9B	Nữ		4,0	Tâm	
10	000316	0901010156	Phạm Hoàng	Thái	10/12/2003	TC9B	Nam		5,0	Thái	
11	000317	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	Nam		4,0	Thành	
12	000318	0901010269	Nguyễn Phương	Thảo	01/05/2003	TC9B	Nữ		1,5	Thảo	
13	000319	0901020101	Nguyễn Phương	Thảo	13/09/2003	TC9B	Nữ		3,0	Thảo	
14	000320	0901070408	Trịnh Anh	Thư	22/08/2003	TC9B	Nữ		1,0	Thư	
15	000321	0901010605	Lê Hà	Thương	21/05/2003	TC9B	Nữ		1,0	Thương	
16	000322	0901010706	Quách Thị	Tuyết	02/10/2003	TC9B	Nữ		6,0	Tuyết	
17	000323	0901040699	Đỗ Cẩm	Vân	09/11/2003	TC9B	Nữ		1,0	Vân	

Tổng số sinh viên dự thi: ...46...

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:0.....

Ngày ..7.. tháng ..4.. Năm ..2023

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Văn Nam

Nguyễn M. Hằng